

# KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI  
PL. 2552 - 2008



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

# KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

*QUYỂN HAI*

*(Hậu Hán, An Tức Quốc, Sa môn An Thế Cao dịch)*

**TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI**  
**PL. 2552 - 2008**

## V. GIẢNG GIẢI VĂN KINH (tiếp theo)

### PHẬT NÓI KINH TÁM ĐIỀU GIÁC NGỘ CỦA BẠC ĐẠI NHÂN

-----0-----

#### 5. Điều giác ngộ thứ năm:

##### VĂN KINH

**Đệ ngũ giác chi:** Ngu si sanh tử, Bồ Tát thường niệm: Quảng học đa văn, tăng trưởng trí tuệ, thành tựu biện tài, giáo hóa nhất thiết, tất dĩ đại lạc.

##### DỊCH

*Điều giác ngộ thứ năm: Ngu si phải sanh tử, cho nên Bồ tát thường nhớ: Luôn học rộng nghe nhiều, để tăng trưởng trí tuệ và thành tựu biện tài, giáo hóa tất cả chúng sanh để đạt được đại lạc.*

##### GIẢNG

*Ngu si phải sanh tử.* Đức Phật dạy tất cả những người ngu si, tức là người không có trí tuệ thì phải bị sanh tử luân hồi. Từ “ngu si” chúng ta phải hiểu Đức Phật nói không phải chê mà Đức Phật muốn nói đến sự thật. Tất cả chúng ta từ xưa đến giờ lâm lạc sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp, chưa có lần khai thông trí huệ, nếu có trí huệ thì giờ này chúng ta không còn ngồi đây. Sở dĩ chúng ta ngồi đây là chúng ta vẫn còn bị vô minh che lấp tâm.

Một người không hiểu rõ vô thường, không hiểu nhân quả, không hiểu nghiệp báo, không hiểu khổ và nguyên nhân tạo khổ, không hiểu con đường thoát ly đau khổ và không hiểu được cảnh giới an lạc Niết bàn. Tức là không hiểu Tứ diệu đế, không hiểu đúng Thập nhị nhân duyên về chiều sanh tử và chiều hoàn diệt của nó thì người đó được coi là vô minh, là ngu si. Nếu không hiểu những lậu hoặc của chúng ta và không có cách đoạn trừ lậu hoặc thì người đó cũng được xếp vào hạng ngu si như Đức Phật nói. Trên căn bản phiền não có mười điều: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến chúng ta chưa phá trừ được mười điều này cũng được Đức Phật xem là ngu si, là vô minh.

Trong mười tập nhân đau khổ: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến, được chia làm hai hoặc: Kiến hoặc và Tư hoặc. Kiến hoặc là thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến. Tư hoặc là: Tham, sân, si, mạn, nghi. Trong năm thứ kiến hoặc này nếu phân định theo mười *Kiết* sử thì nó là *Lợi* sử. Khi một người Kiến đạo sở đoạn hoặc là khi chúng ta ngộ được đạo lý, hiểu đạo lý thì chúng ta đoạn được năm cái hoặc này trước.

*Thân kiến*: Hiểu được thân này là giả, ngũ ấm là duyên hợp giả có thì chúng ta sẽ thoát được thân kiến.

*Biên kiến*: Khi chúng ta hiểu về nhân quả nghiệp báo, người nào làm thiện thì được sanh về cõi lành, người nào làm ác sanh về cõi dữ, người nào tu hết lậu hoặc mới chứng quả Vô Thượng Bồ Đề chứ không phải chết là hết. Người nào thấy mình chết rồi là hết hẳn không còn là rớt vào đoạn kiến, thấy mình là người chết đời sau mình cũng được là người, con thú chết đời sau cũng làm thú, Thánh nhân chết đi sống lại cũng

là Thánh nhân là cái thấy thường kiến. Đoạn kiến và thường kiến là cái thấy thuộc biên kiến.

*Kiến thủ:* Khi chúng ta chấp thủ cái thấy biết của mình, mặc dù những chấp thủ đó sai trái mà chúng ta không thể buông bỏ được, không dễ gì phá vỡ, không cách nào thay đổi được gọi là kiến thủ.

*Giới cấm thủ:* Ví dụ có đạo giáo tới ngày lễ họ phải đâm trâu để cúng thần linh, hoặc có những đạo lửa thể ở Ấn Độ không mặc quần áo, họ phơi thân giữa nắng, nằm trên đồng tro, hoặc nằm trên bàn chông, họ nghĩ làm điều khó khổ như vậy để được sanh thiên, họ chấp như vậy và cả đời chỉ làm việc đó. Nhưng những điều đó bây giờ không phù hợp khoa học mà chúng ta trấp trước gọi là giới cấm thủ.

*Tà kiến:* Là cái thấy biết sai lạc về thân và tâm. Ví dụ cõi đời này là vô thường mà họ thấy thường theo kiểu thường của thế gian, không phải thường, lạc, ngã, tịnh theo kinh điển Đại thừa, hoặc họ hiểu sai về Tự tánh chúng ta.

Thời Đức Phật tại thế, có lần ngoại đạo đang tu khổ hạnh, họ đứng một chân, một tay đưa lên trời, một tay chỉ xuống đất, một chân co lên, họ hành hạ thân nằm trên bàn chông thì khi đó gặp Đức Phật. Đức Phật hỏi:

“-Các ông tu tập như thế này để được cái gì? Thầy các ông dạy các ông làm như vậy kết quả như thế nào?”

Các vị đó trả lời:

“-Thầy chúng tôi dạy thân nó làm khổ mình, nó dẫn mình đi trong sanh tử luân hồi nhiều rồi, bây giờ tu là phải hành hạ thân xác để diệt trừ nghiệp hoặc sanh tử nhiều đời nhiều kiếp mới được về cõi trời.”

Họ ép xác làm sao cho thân này khổ đau, không còn

tự do, không còn phóng túng nữa để đạt được lý tưởng được sanh về cõi trời Phạm Thiên. Đức Phật hỏi:

“-Thầy các ông có nói là trong nhiều đời nhiều kiếp các ông tạo bao nhiêu nghiệp không?”

“-Thưa đáng Cù Đàm, không có!”

Đức Phật hỏi tiếp:

“-Thầy các ông có dạy các ông phải làm bao nhiêu khổ hạnh để diệt trừ được bao nhiêu nghiệp không?”

“-Thưa đáng Cù Đàm, không có!”

“-Như vậy, Thầy các ông có nói rằng các ông sẽ diệt bao nhiêu nghiệp để các ông được sanh về cõi trời Phạm Thiên không?”

“-Thưa đáng Cù Đàm, không có!”

Đức Phật nói tiếp:

“-Như vậy trí tuệ đạo giáo của các ông không thấy được là kiếp trước các ông có bao nhiêu nghiệp, làm bao nhiêu lần khổ hạnh, bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm để diệt trừ bao nhiêu nghiệp tập và đạt như thế nào mới gọi là hết nghiệp tập ở sanh tử luân hồi. Tức là các ông phải khổ hạnh tới chừng nào, cảnh giới các ông đạt là cái gì thì mới gọi là hết nghiệp tập, Thầy các ông hoàn toàn không biết.”

Có những chấp trước không đúng với chân lý, không đúng với Chánh pháp thì đạo Phật xem đó là tà kiến. Nếu một người hiểu biết được đạo lý, hiểu biết nhân quả nghiệp báo, hiểu được đạo lý nhân quả, hiểu được Tứ diệu đế thì chúng ta sẽ phá vỡ được năm thứ kiến hoặc này. Nếu chúng ta hiểu thân này là không thật, là duyên hợp giả có, tức là chúng ta phá được thân kiến. Nếu chúng ta hiểu được chết không phải hết,

do chấp mà chúng ta bị sanh tử luân hồi ở kiếp sau. Hoặ chúng ta tạo nhân nào thì đời sau trả quả đó là phá được đoạn kiến nơi tư tưởng của mình. Hoặ mình thấy rõ không phải làm người thì mãi sanh làm người, có khi tạo nghiệp xấu ác thì sanh ra làm thú, tạo nghiệp thiện chúng ta có thể sanh thiên, không nhất định người chết thành người đời sau, hoặ thú chết thành thú đời sau thì phá được thường kiến. Tùy mức độ học của chúng ta phá từ từ kiến chấp sai lầm, trong kinh gọi là Kiến đạo sở đoạn hoặ. Sau khi hiểu đạo lý rồi thì chúng ta đoạn được năm hoặ này. Còn năm hoặ: Tham, sân, si, mạn, nghi rất khó phá, buộc chúng ta phải xử dụng tới công phu tu tập.

*Nghi:* Ví dụ chúng ta biết chắc mình niệm Phật sẽ được sanh về Tây phương Cực Lạc nhưng niệm Phật một hồi mình cũng nghi không biết niệm như vậy có đúng hay không, không biết có đủ lực sanh về Tây phương không, pháp mình đang tu có thật hay không? Mặc dù Đức Phật nói như vậy nhưng từ hồi mình tu tới giờ chưa thấy có ai báo mình biết mình được sanh Tây phương Cực Lạc. Hoặ người đưa ra pháp môn này không biết người đó như thế nào, rồi nghi ngờ người hướng dẫn, nghi ngờ pháp chúng ta đang tu và nghi ngờ khả năng của mình. Trong lòng chúng ta chưa phá vỡ được kiết sử nghi thì dụng công không đắc lực, không đoạn hoặ nghiệp mà không đoạn hoặ nghiệp đó thì khó mở thông trí tuệ để thoát ly sanh tử.

*Mạn:* Được chia làm bảy: Mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty liệt mạn, tà mạn. Mạn là chúng ta thấy mình bằng người ta hoặ hơn người ta, chứ không bao giờ chịu mình thua ai. Quá mạn là người ta bằng

mình nhưng mình vẫn thấy người ta thua mình, hoặc người ta hơn mình mà mình vẫn thấy mình ngang bằng người ta. Mạn quá mạn là mình không bao giờ chấp nhận người ta hơn mình, dù khả năng mình rất tệ.

Ngã mạn là thấy thân mình thiệt, mình là số một giữa đời này, cái gì của mình cũng là số một, chiếc áo mình đang mặc là số một, không chiếc áo nào bằng, cái nhà mình cất đẹp số một, chiếc xe mình đi là số một. Coi bản thân mình hơn người ta, tất cả những sở hữu của mình cũng không ai bằng, cả cuộc đời này lúc nào mình cũng coi trọng mình và coi thường người khác. Ngã mạn rất khó phá.

Tăng thượng mạn là chúng ta chưa chứng quả vị gì nhưng mình nói chuyện với người ta một hồi là mình có quả này quả kia, có cảnh giới nọ. Mình nói mình niệm Phật mười lăm phút là định liền, hoặc mình niệm một thời gian là được vô tâm, thậm chí mình niệm thấy có mùi hương, hoặc mình niệm một thời gian thấy có Đức Phật A Di Đà xoa đầu mình. Những cái đó không có nhưng mình nghe trong kinh nói mình nói theo, tức là chưa chứng Thánh, chưa đạt được cái gì trong nội tâm mà khoe khoang khoác lác cho là mình được, như thế sẽ bị đọa lạc trầm luân rất khó thoát.

Ty liệt mạn là người ta hơn mình gấp triệu lần nhưng mình vẫn thấy người ta không bằng mình. Ngày xưa họ cũng như mình nhưng bây giờ họ tinh tấn hơn mình, họ tu tiến bộ, họ được cái gì trong nội tâm, mình chưa được như vậy nhưng trong bụng mình coi người ta không bằng mình, mình hơn nhưng tại mình chưa nói, thực sự thì mình chưa được lần nào như vậy. Hoặc họ có đủ phước khi ra đời làm ăn làm đâu được đó, do họ có trí tuệ phước báo còn mình làm đâu thất bại đó,



người ta đi xe hơi ở nhà lầu còn mình ở nhà lá đi xe đạp, nhưng ngồi lại nói chuyện vẫn thấy người ta không bằng mình. Bây giờ tôi chưa có nhà lầu chứ tôi biết mấy người này không bằng tôi, trước sau gì tôi cũng hơn.

Tà mạn là cái thấy không chân chánh. Chúng ta dùng cuộc sống không phù hợp Chánh pháp để nuôi sống thân mạng mình. Chúng ta nhận những điều sai lầm, chấp nó là thật, lấy đó làm bản mạng, làm sự nghiệp của mình. Ví dụ, đạo Phật không cho bói toán, không cho buôn bán vũ khí chất độc nhưng chúng ta lấy đó làm phương tiện sống để nuôi thân mạng sống của mình thì gọi là tà mạn. Nói đến Phật pháp chúng ta không nghe nhưng nói đến chuyện cờ bạc ăn chơi thì mình lại quan trọng, tức là trong lòng chúng ta nghĩ tới điều không phù hợp Chánh pháp để dẫn dắt chúng ta đi vào đường tà, gọi là tà mạn.

Những kiết sử mặc dù thô phù nhưng chúng ta rất khó tránh. Chỉ một kiết sử mạn thôi chúng ta tu không biết tới đời nào cho nó hết. Chơi với ai rồi mình cũng thấy mình gác hơn người ta một chút. Đôi khi mình tiếp xúc một hai lần mình cũng nể người ta, nhưng chơi với họ một thời gian mình cũng moi chuyện xấu của họ ra để thấy là mình hơn người ta, ít khi nào mình chịu thua họ hoàn toàn. Điều này rất nguy hiểm cho cuộc đời của mình nhất là trong giới tu tập.

Giữa bạn đạo với nhau, nếu mình chấp nhận huynh đệ hơn mình thì mình sẽ học cái hay của họ. Người xưa nói “học thầy không tày học bạn”, có nghĩa là học thầy ít có điều kiện hơn gần bạn. Nếu chúng ta tôn trọng bạn bè, thấy huynh đệ có cái hay, kinh nghiệm tu tập của họ tốt, họ có tiến bộ, nếu chúng ta không chấp nhận họ hơn mình thì mình sẽ khó học

bạn và đi đâu chúng ta cũng khó hòa nhập.

Nếu chúng ta chấp thân này là thiệt thì Đức Phật xem người đó là vô minh. Đi đâu cũng gặp chuyện phiền não, chơi với ai một hồi cũng thấy có chuyện buồn phiền thì biết người đó bản ngã lớn. Người bản ngã mỏng và tu tập tốt gặp chuyện họ xả bỏ rất dễ dàng, còn người bản ngã nặng thì ai nói mình một câu mình khó tha thứ, khó buông bỏ. Ngày xưa mình giận mười, bây giờ mình tu thời gian mình bớt giận chừng năm, hoặc bốn, hoặc ba thôi, hoặc thấy chuyện trái ý nghịch lòng, trước đó thì mười ngày chúng ta mới quên nhưng bây giờ phải quên cho kỳ được. Thay vì hồi chưa niệm Phật tâm mình lộn xộn, bây giờ biết tu ngồi niệm Phật tâm yên một chút là nó nhớ đủ thứ chuyện trên đời, thời nào nó nhớ ra hết. Nhớ ra là mình xét đoán từng người, bây giờ tu tập tốt khi nhớ ra mình xóa luôn để không còn phiền.

*Tham, sân, si:* Là ba độc cần phải phá của tất cả người tu học Phật. Si là căn bản phiền não, khi chúng ta si mê lầm lẫn không thấy được chân thật Pháp thân của mình, chưa thấy được trí huệ Bát Nhã, không nhận định được chân lý cho nên mình chấp ngã, chấp pháp nặng nề. Khi chấp chặt như vậy chúng ta bắt đầu tham tâm muốn điều này điều nọ, luyến ái, tham lam đủ điều. Lòng tham đó có từ gốc chúng ta lầm lạc, nhận định sai lầm về thân xác này. Khi những điều chúng ta mong muốn không thành tựu thì chúng ta sân hận, gốc là từ si mà ra tham ái, tham dục, đủ thứ chuyện giữa đời này.

Có câu chuyện ngụ ngôn diễn tả người còn vương nặng ở tham, sân, si. Gia đình đó có ba người. Ông nội sai cháu nội đi mua năm đồng tương và năm đồng đường, đưa cho mười đồng và hai cái tô. Chăm đi một hồi nó chạy về hỏi:

- Đồng nào mua tương, đồng nào mua đường?

Ông nội bảo:

- Tiền nào mua cũng được, cái nào cũng năm đồng.

Chạy một hồi nó trở vô hỏi:

- Tô nào đựng tương, tô nào đựng đường?

Ông nội giận tắng cho một bạt tai.

-Ngu vừa thôi, hai tô bằng nhau, hai đồng bằng nhau thì mua cái nào cũng vậy thôi.

Ông cha thẳng bé bênh vực:

- Tại sao ông đánh con tôi?

- Con mày hư quá tao đánh.

- Ông đánh con tôi là tôi đánh con ông.

Rồi ông cha cầm cây tự đánh mình. Ông nội ngăn cản nhưng ông cha vẫn đánh:

-Tôi đánh con ông cho dập đầu luôn.

Chuyện ngu si trên thế gian này thường lắm. Mỗi khi chúng ta sân hận, muốn trả thù người khác để thỏa mãn dục lòng của mình, thỏa mãn cơn tức giận của mình, mình nghĩ là mình hơn người rồi. Hoặc mình dùng mưu mô xảo quyết nào đó để mình thắng người khác thì mình vui nhưng trong cái vui đó làm tổn hại phước báo của chúng ta, tạo nhân quả ác cho chính mình để đời sau chúng ta phải chịu quả báo xấu. Người tu càng cạn mông tham sân si chừng nào thì trí huệ càng mở thông chừng đó. Đối với đạo Phật chúng ta phải dứt trừ vô minh, dứt trừ lậu hoặc của mình bằng cách học đạo và công phu.

***Bồ Tát thường niệm: Quảng học đa văn.*** Bắt đầu học Phật những kiến thức chuyên môn mới có thể giải trừ được

nghiệp tập của mình, còn nếu có kiến thức để chúng ta trở thành người giỏi về lý luận thì sẽ tăng trưởng thêm nghiệp tập.

Khi nghe băng giảng, hay nghe một vị giảng sư giảng chúng ta sẽ nhận ra đây là vị Thầy giỏi, có tu. Người tu chuyên môn nói ra tự động mình nắm bắt được và làm, còn người có kiến thức dạy thì chúng ta hiểu thêm nhưng chưa biết làm gì. Cả đời chúng ta không học bao nhiêu về chuyên môn thì không có cách cho chúng ta dụng công. Nếu không có phương pháp dụng công chính thì chúng ta khó phá được phiền não ác nghiệp của mình, như vậy việc sanh tử sẽ còn hoài khó thoát ra.

Quảng học là sự học rộng trong Phật pháp. Học để chúng ta hiểu lý luận của Thiên học, hiểu lý luận của Tịnh Độ để củng cố lại công phu của mình, biết rằng tất cả pháp môn đều là phương tiện. Lúc đó chúng ta mới chọn lựa phương tiện nào phù hợp với trình độ căn cơ của mình. Trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có Thất giác chi, đầu tiên là Trạch pháp xúc chi, nghĩa là chúng ta khoan hãy dụng công liền mà phải học rộng nghe nhiều, để gom lại một pháp nào vừa phù hợp trình độ căn cơ của mình vừa phù hợp chân lý lúc đó dụng công mới có kết quả. Chúng ta khoan hãy vội vã, khi đứng ở ngã ba đường thì phải coi kỹ bản đồ quyết định hướng này đi tới đâu, đi sau đi chậm nhưng mỗi bước mỗi gần, còn nếu quyết định sai thì đi càng nhanh càng xa mục đích.

Ngoài học hiểu về nhân quả nghiệp báo, sanh tử luân hồi, chúng ta còn học những căn bản như Tứ diệu đế, Tứ niệm xứ, đồng thời học hiểu cảnh giới trong cõi tâm chúng ta. Tu tốt chúng ta phá được những lớp tâm, phá được từng tầng vọng chấp và sẽ có cảnh giới tâm mới lạ. Những cảnh cõi này

là những tầng bậc tâm tu chúng.

Một mặt chúng ta học chữ nghĩa văn tự, một mặt đi sâu vào nội tâm để biết được các cảnh giới gọi là quang học. Không phải học chỉ hiểu để thỏa mãn kiến thức mà dụng công tốt thì ngã mạn mỏng từ từ; tham, sân, si mỏng từ từ và đạt được tầng sâu của nội tâm. Tham thực sự chưa hết nhưng nó mỏng đến mức độ cho phép chúng ta có thể đi vào định. Nếu chúng ta không chấp trước, cảnh giới bên ngoài nhiều thì nội tâm không có loạn nhiều, như vậy nhất định là mình sẽ bước vào cửa ngõ ban đầu của Thiền học là Sơ thiền. Chuyện tài, sắc, danh, thực, thù họ không còn vướng; đối với thân xác này họ không còn vướng, họ ở trong định đầu tiên tâm vắng lặng hoàn toàn và hưởng được hỷ lạc. Cảnh giới đó thực sự giữ gìn chúng ta trong Phật pháp.

Đa số người tu thoái đạo, nguyên nhân chính là do họ không nếm được hương vị Phật pháp. Niệm Phật tới ngày nào mình được Nhất tâm bất loạn là vui, sự an lạc đó gìn giữ mình lâu. Niệm Phật mà thấy mình cứ trơ trơ, nhớ đủ chuyện trên đời, tâm không lúc nào yên thì niệm sẽ không bền. Người đó chỉ tưởng tượng ngưỡng vọng về một điều gì, việc của mình chưa đến đâu, chưa về đâu và không có kết quả gì thì rất khó để có thể tinh tấn thêm nữa được.

Nếu chúng ta đạt được cảnh giới hỷ lạc thì nội tâm tự động nó cuốn hút, khiến chúng ta liền công phu để chúng ta luôn an ở trong hỷ lạc của Phật pháp. Nếm được hương vị Phật pháp, chúng ta mới đủ sức ở lâu trong Phật pháp, không có gì phá vỡ được, còn không thì khó có gì có thể bảo đảm. Như vậy chúng ta phải học những công phu chuyên môn để tu tập.

Khi niệm Nam mô A Di Đà Phật chúng ta đừng niệm nhanh và đừng lần chuỗi, niệm thật chậm, giữ tâm bình lặng, tất cả các động thái xảy ra với mình phải bình lặng. Khởi tâm bình lặng tâm chúng ta mới bình lặng. Khởi niệm Phật mà có chút vội vã là không thành tựu. Không phải niệm Phật trên đầu tâm mà chúng ta niệm trong thâm tâm. Lúc niệm Nam mô A Di Đà Phật chúng ta nghe rất sâu bên trong, và quay trở lại để làm sao nhận rõ được tiếng A Di Đà Phật đang động khởi nơi chính mình chứ không hướng ra ngoài. Vừa niệm A Di Đà Phật chúng ta vừa quay lại với chính mình, để thấy động A Di Đà Phật từ từ khởi ra, chúng ta sẽ nhất tâm và sẽ có an lạc.

Niệm A chưa thành A, nó vừa động nhẹ nhẹ trong tâm để hiện chữ A ra là chúng ta thấy. Chữ A nó rõ ràng nơi tâm mình, mình thấy rõ ràng, rồi chữ A yếu xuống từ từ nó mất, có một khoảng trống chúng ta cũng phải thấy được. Bắt đầu chữ Di hiện lên, nó chưa thành chữ Di mà nó động nhẹ nhẹ một hồi mới hình thành chữ Di là chúng ta thấy được. Rồi chữ Di hiện lên rõ ràng và chữ Di yếu dần dần rồi mất, liền có khoảng không rồi tới chữ Đà, chữ Đà hiện lên rõ ràng, rồi yếu đi chúng ta thấy rõ. Rồi chữ Đà mất, có khoảng không chúng ta thấy rõ, rồi tới chữ Phật.

Lúc đó tự động tắt hết những chuyện bên ngoài là chúng ta đang vào nhất tâm. Hồi đầu chúng ta nghe niệm A Di Đà Phật lớn, tức là có mình và có âm thanh, nhưng lần lần âm thanh không phải là lớn với mình nữa, mà âm thanh đó từ từ nhỏ, từ từ chúng ta là cái gì mênh mêng, âm thanh ở trong chúng ta, chúng ta không phải là con người nhỏ nhiệm mấy chục ký lô đang niệm câu A Di Đà Phật. Chúng ta là người mênh mêng, tất cả âm thanh đều ở trong đó nó vang rất nhẹ

nhàng, rất chậm rãi, rất trong sáng, rất trầm lắng như vậy niệm Phật mới sâu vào bên trong.

Khi học đạo chúng ta phải học hết kiến thức, học chiều sâu chuyên môn, học được những cảnh giới sâu trong tâm linh mới gọi là quảng học. Không phải học theo cái hiểu bên ngoài, hiểu kinh này kinh nọ, hiểu lý pháp này lý pháp nọ. Phật pháp thật sự rất sâu mầu, cũng đồng một triệu người đó theo Phật nhưng người đi sâu người đi cạn chúng ta thấy liền. Khi tọa thiền, người tâm yên thì hơi thở trầm, rất nhẹ nhàng, sâu lắng, đều đặn, còn người tâm loạn thì hơi thở dồn dập. Người niệm Phật hơi thở sâu gần như tắt, hơi thở tinh tế, mong manh, nhỏ nhiệm như sợi chỉ mảnh, lúc đó tiếng niệm Phật nổi rất nhẹ trong sợi chỉ mảnh ra vào và tâm rất yên.

Nếu chúng ta không có duyên được học chuyên môn với người chuyên môn đã đi qua những cảnh giới tu, thì đương nhiên chúng ta học trên văn tự chữ nghĩa, có thêm kiến thức thì mình vẫn là mình chứ mình không có thay đổi gì. Được học chuyên môn là phước duyên lớn chúng ta có thể thay đổi sau lần học đó, mình sẽ dụng công được và trải qua những cảnh giới của nội tâm thực sự để loại bỏ những phiền não nghiệp tập của mình.

Một lần niệm Phật tới mức độ sâu lắng thì âm vang đó không thể diễn tả bằng ngôn ngữ bình thường được, trong kinh gọi là Diệu âm, Hải triều âm, vi diệu tuyệt vời. Được như vậy chúng ta mới lìa thoát cõi này. Niệm Phật mà chúng ta vẫn còn giận, còn tham lam, còn phiền não là còn vướng trong cõi này chưa thoát được. Khi nào mọi chuyện của trần gian này tiền tài, danh lợi mọi cái rút với chính mình, thì mình mới thoát khỏi cõi này và tới Tịnh độ.

Quảng học thì chúng ta phải học được kinh điển, học được Kinh, Luật, Luận để hiểu thấu chân lý. Tất cả những Kinh, Luật, Luận Đức Phật và chư Tổ nói ra đều từ sở chứng sở đắc. Tức là sau khi Đức Phật thành Phật, chúng đạo Đức Phật mới nói kinh. Nếu chúng ta học đạo muốn thông cảm được điều Phật Tổ nói thì chúng ta phải có chút chứng đắc chứ bằng ý thức thì không thể hiểu hết lời Đức Phật được.

Ví dụ chúng ta học lý vô thường ai cũng hiểu, nhưng chứng lý vô thường thì chưa. Người chứng lý vô thường ngang tầm Bát Địa Bồ Tát. Chứng lý vô thường là từng giờ từng phút từng giây chúng ta chạm tới phiền não là tự nó vô thường. Từng giờ từng phút từng giây vô thường cho nên không có chỗ nào vướng lại được, không có chỗ nào dính mắc lại được, không có chỗ nào khổ đau được mới là người ngộ lý vô thường, họ trở thành vô thường. Thân vô thường, tâm vô thường, hoàn cảnh vô thường nên họ hoàn toàn không còn dính mắc nữa.

Quảng học là học rộng, mỗi một lần học chúng ta rớt một nghiệp tập xấu của mình, chứ không có huân thêm. Ví dụ, mình giận người kia chín xe mười vàng, nhưng học qua một thời giảng mình chơi chung được, mình cười được với người đó, mình không còn giận nữa là chúng ta đang học đúng. Hoặc mình tích chứa không biết bao nhiêu phiền hận với nhiều người, nhưng qua thời giảng mình nghe nó mất đâu nhiều lắm là chúng ta đang học đúng. Càng học nhiều Phật pháp chừng nào phiền não nghiệp tập chúng ta càng vơi bớt chừng đó, còn học đạo mà phiền não tăng lên thì biết chúng ta học sai.

Học rộng là vừa đi ra để hiểu kinh điển vừa đi sâu vào nội tâm để giải trừ nghiệp tập của chính mình. Đa văn có nghĩa



là chúng ta nghe nhiều, nghe người giảng dạy Phật pháp và nghe tiếng nói của nội tâm mình. Ví dụ, chuyện cữ cãi xảy ra mình nghe lại lòng mình mình về còn nhớ bao lâu? Còn phiền kiêu nào? Bao lâu nó mới tắt?

Nếu ý niệm cứ cuốn hoài trong đầu mình không có dứt, có nghĩa nó luân hồi trong tâm mình thì chắc chắn chúng ta phải đi sáu cõi. Chuyện qua mà nó tắt mất mới cắt được dòng luân hồi này. Tâm chúng ta như thế nào sẽ khế ứng cảnh giới đó, tâm ngang tầm địa ngục thì đương nhiên xuống địa ngục, tâm tham lam thì xuống súc sanh, tâm bòn xén thì ngang tầm ngã quý.

Mỗi một lần chúng ta đối duyên xúc cảnh, chúng ta phải thấy được cái dở và cái hay xảy ra nơi chính mình là chúng ta đang học. Với bên ngoài chúng ta thấy cái tốt và cái xấu không phải để thị phi, mà thấy cái xấu để mình không còn xấu nữa, đó không phải lỗi thế gian. Người biết học, gần như tất cả những thuận nghịch đến giữa đời này đều dạy cho chúng ta bài học tốt. Hoàn cảnh nào dù thuận nghịch cũng là bài học, chúng ta phải học hết từ hoàn cảnh bên ngoài, từ chân lý của đạo Phật đưa ra và từ tiếng nói của nội tâm. Học để chúng ta so sánh với chân lý mình đang đi đúng tới đâu, đang làm cái gì, đang được cái gì trong thâm tâm của chính mình như thế là trí tuệ chúng ta khai mở, gọi là quảng học đa văn.

**Tăng trưởng trí tuệ.** Người biết tu trí huệ mở thông, họ sẽ thấy được mình trong mọi lúc mọi nơi. Mỗi khi tiếp duyên xúc cảnh, mỗi khi chạm sự việc, mỗi khi làm một công việc mà chúng ta còn phiền hận, còn vương động trong tâm thì trí tuệ chúng ta không mở thông.

Khi tâm chúng ta yên, đạt tới cảnh giới chánh niệm

ting giác, tâm sáng vắng vặc như trăng rằm, không có gì mù mờ, tất cả những vật hiện ra đều thấy rõ. Vừa động niệm nhỏ nhiệm nơi tâm chưa thành hình mình giận người này, thương người kia, ghét người nọ mình đã thấy rồi. Trí tuệ mở thông chúng ta thấy được những lỗi nhỏ nhiệm của chính mình, để chúng ta không còn phạm lỗi lầm, không còn tạo ác, không tạo nhân quả nghiệp báo mới thì mới thoát khỏi sanh tử. Phải thấy từ những mộng khởi nơi tâm để mình không tạo thành lời nói, ngôn ngữ và không còn nghĩ ác được. Trí tuệ đó mới thật của mình.

Tăng trưởng trí huệ là chúng ta thấy được sự tinh tế, sâu sắc, nhiệm màu trong tâm chúng ta, thậm chí thấy lậu hoặc, những hoặc nghiệp vi tế. Đầu tiên chúng ta thấy được những ý niệm lăng xăng tạo thành hình tướng, ngôn ngữ nơi đầu chúng ta, đó là trí huệ chúng ta đã mở một phần để thấy được tướng ấm bên trong mình. Tu sâu hơn tâm thực sự thanh tịnh chúng ta thấy những gợn lăn tăn của hành ấm, tạo thành ý chí hành động trong cuộc sống. Định sâu hơn nữa vượt qua hành ấm, tới thức ấm là cái tri nhỏ nhiệm giữa vũ trụ mênh mông này. Khi vượt qua thức ấm chúng ta được cái toàn tri, toàn tri đó không phải cái toàn tri của thân và tâm này thì người đó mới hiểu thế nào là tri thực sự trong Phật pháp. Lúc đó mới gọi là trí huệ khai thông hoàn toàn trong đạo Phật.

Khi toàn tri hiện tiền thì tất cả mọi cái là toàn tri, một hạt cát cũng đang tri, vũ trụ mênh mông này là toàn tri. Được như vậy mới gọi là khai mở trí huệ hoàn toàn, với đạo Phật gọi là tăng trưởng trí huệ. Dù chúng ta hiểu Tam tạng kinh điển, thuộc lâu lâu không sót chữ nào cũng không phải là trí huệ, đó chỉ là tri thức, là sở tri kiến.

Trí tuệ thực không phải do chúng ta huân tập gọi là vô sư trí. Còn trí phàm phu thì chúng ta còn tham dục, còn buồn thương giận ghét, còn nãm dục thì còn luẩn quẩn ở cõi người. Nếu tu một thời gian tất cả những khởi nghĩ của chúng ta đều thiện, không còn nghĩ ác nữa, dù muốn nghĩ ác cũng không được. Chúng ta sẵn sàng giúp đỡ người khác bằng mọi giá, nghĩ là nhớ tới lợi ích cho người khác, không còn hại ai, không còn vì mình để làm tất cả mọi công việc nữa, thì tâm chúng ta tăng một bậc, tâm đó ở cõi trời, gọi là thiện tâm hoàn toàn.

Nếu chúng ta hiểu thấu về Tứ diệu đế, thiền định đạt được Diệt thọ tưởng định là chúng quả Thanh Văn, chúng được quả A La Hán thì trí tuệ chúng ta tăng tới bậc A La Hán. Chúng ta tu thêm phát tâm Đại thừa thì trải qua Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và trải qua Thập địa. Đối với Bồ tát Thập địa, Đức Phật vẫn xem là còn vô minh, tới Đẳng Giác vẫn chưa phá tận vô minh, tới Diệu Giác thật sự mới phá được vô minh.

Diệu Giác là cái giác vi diệu không qua bất kỳ cái gì, trong đi đứng nằm ngồi mọi cái xảy ra trong chân trời giác ngộ hoàn toàn. Trong thấy nghe người đó không có chút làm mê, thấy đâu cũng giác ngộ, nghe đâu cũng giác ngộ, tất cả những biểu hiện xuất hiện từ người đó cũng là sự giác ngộ, tới chừng đó gọi là trí huệ mở thông.

***Thành tựu biện tài.*** Có bốn nghĩa: Pháp vô ngại biện tài, Nghĩa vô ngại biện tài, Ngữ vô ngại biện tài, Nhạo thuyết vô ngại biện tài.

***Pháp vô ngại biện tài:*** Là hiểu tất cả giáo pháp của Đức Phật. Thiền tông, Tịnh Độ tông, Mật tông. Tất cả giáo pháp có trong Tam tạng Thánh điển Kinh, Luật, Luận người

đó phải hiểu thông.

*Nghĩa vô ngại biện tài:* Một câu kinh của Đức Phật chúng ta phải hiểu tận tới chiều sâu của nó. Tất cả kinh điển từ hệ Nguyên Thủy cho đến hệ Phát triển Đại thừa chúng ta hiểu không còn sót điều gì. Đối với Thiên tông những cử chỉ đưa tay, đánh hét của Thiên sư chúng ta hiểu hết không còn sót. Những điều sâu xa chưa thành ngôn ngữ chúng ta phải nhận ra, chứ còn hiểu ngữ hiểu nghĩa thì chưa.

Đầu kinh Pháp Hoa, Đức Phật phóng quang chưa nói thành câu chúng ta phải hiểu đó là ý gì. “*Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chạn mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu trời Sắc cứu cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh, ở các cõi kia. Lại thấy các Đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe kinh pháp của các Đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, những người tu hành đấng đạo. Lại thấy các vị Đại Bồ Tát dùng các món nhân duyên, các lòng tin giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ Tát. Lại thấy các Đức Phật nhập Niết bàn, lại thấy sau khi các Đức Phật nhập Niết bàn, đem xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu*”.

Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của phóng quang là Đức Phật muốn nói gì? Chân mày là phương tiện, người thấy cảnh còn phân biệt biểu thị là chân mày hai bên, giữa chạn mày là cái thấy biết vượt thoát hai bên. Trí tuệ đó mới soi thấu trời Hữu Đảnh, tức là soi tới chỗ cực thiện trong lòng chúng ta. Và soi thấu địa ngục A Tỳ là thấy tới chỗ cực ác nơi nội lòng chúng ta. Trong lòng chúng ta có sẵn Phật, Bồ Tát, Thanh Văn

và có lực đạo luân hồi. Khi trí huệ vượt thoát hai bên thì cõi tâm chúng ta thấy không còn sót bất kỳ thiện ác nào. Từ chỗ phóng quang chớp mắt chúng ta hiểu mới gọi là “Nghĩa vô ngại biện tài”.

*Ngữ vô ngại biện tài:* Tất cả những ngôn ngữ bên ngoài của Phật pháp, cũng như của trần gian chúng ta phải thông.

*Nhạo thuyết vô ngại biện tài:* Người đó thuyết Pháp không bao giờ bị ngăn ngại. Bất kỳ pháp hội nào, kinh điển nào, lý luận nào người đó không bao giờ bị ngăn ngại. Muốn nói cái gì họ có khả năng nói hoài không hết, không cần học thuộc lòng, không cần soạn bài, muốn nói bao nhiêu cũng được, muốn nói nghĩa lý Đại thừa họ nói nghĩa lý Đại thừa, muốn nói Luận Tổ sư họ nói Luận Tổ sư, muốn nói Thiên tông họ nói Thiên tông, muốn nói Tịnh độ họ nói Tịnh độ, muốn nói Mật tông họ nói Mật tông cho mình nghe. Thậm chí một lời một chữ họ cũng có khả năng nói cả ngày chưa hết, gọi là Nhạo thuyết vô ngại biện tài.

Điều họ nói để thể hiện được chân lý, không phải là nói thao thao bất tuyệt theo kiểu sơn đông mãi võ giới thiệu sản phẩm, mà khả năng thể hiện chân lý qua tất cả ngôn ngữ của họ. Kinh điển nào dù là những lời nói bình thường họ vẫn nói ra được chân lý cho người kia nghe. Dù lời nói sâu của Đức Phật họ cũng lột tả được chân lý cho người nghe. Tất cả những lý luận, những bài Pháp họ nói đều thể hiện chân lý tuyệt đối, mới gọi là Nhạo thuyết vô ngại biện tài.

Người có thể hát, đọc thơ, nói điều này điều kia nghe hay, nhưng không thể hiện được chân lý tối cao thì chưa phải là Nhạo thuyết vô ngại biện tài. Người Nhạo thuyết vô ngại

biện tài thể hiện được toàn năng toàn trí, người nghe có thể nhận ra được giá trị tốt đỉnh của đạo Phật. Họ nương vào chân lý tu tập cho có kết quả và người nghe phải được giác ngộ giải thoát mới gọi là Nhạo thuyết vô ngại biện tài.

Nếu ai cũng có thể nói được là thể gian biện luận, là hý luận chứ không gọi là Nhạo thuyết vô ngại biện tài trong đạo Phật. Chúng ta có thể nói cả ngày không hết nhưng lời nói đó không thể hiện được chân lý thì chưa xếp vào loại Nhạo thuyết vô ngại biện tài. Nhạo thuyết vô ngại biện tài là nói hoài còn hoài, tất cả những lời nói đều thể hiện chân lý tuyệt đối, phải nói tới chiều sâu của tất cả tông phái.

Muốn nói Tịnh độ thì nói chiều sâu Tịnh độ tới đâu, nói Thiên là phải nói Thiên tới đâu, nói Mật tông thì phải nói Mật tông tới đâu. Nói kinh điển Nguyên Thủy thì phải thể hiện chân lý tối hậu của kinh điển Nguyên Thủy như thế nào. Nói Đại Thừa thì phải thấy được ngôn ngữ trước khi có lời nói như phóng quang trong kinh Pháp Hoa. Sau ngôn ngữ là cả bản kinh Pháp Hoa người đó phải thấu hiểu tới mức độ chân lý tốt cùng của nó và diễn đạt cho người nghe họ cũng nhận ra được, hiểu được chân lý tốt cùng mới gọi là Nhạo thuyết vô ngại biện tài.

***Giáo hóa nhất thiết.*** (Giáo hóa tất cả chúng sanh). Chúng sanh không phải là tất cả những người như chúng ta ở đây. Người hiểu được chân lý không phải họ hiểu được tâm ý, không phải hiểu được chân lý của cõi này, mà họ hiểu được chân lý của mười phương pháp giới. Pháp giới tánh toàn chân như thế nào họ điều hiểu rõ. Họ hiểu được mười phương pháp giới như thế nào và họ đạt được cảnh giới đó để họ giáo hóa khắp mười phương pháp giới.

Từ trước tới giờ chúng ta không hiểu Đức Phật thành Phật như thế nào. Một sát na tâm Đức Phật thành Phật chúng ta có thể tu năm tỷ tỷ kiếp chưa bằng một sát na đó. Vì sao? Vì phút đó Đức Phật giáo hóa mười muôn ức cõi. Ngay phút Đức Phật nhập pháp giới tánh toàn chân là vượt thoát thời gian và không gian, cho nên không có mười phương mà mười phương y như hiện tiền ở đây. Không có quá khứ, hiện tại, vị lai cho nên tất cả chúng sanh ba thời đều ở trước mặt Đức Phật. Lúc Đức Phật an trú pháp giới tánh toàn chân, là lúc Đức Phật khai thị cho khắp pháp giới chúng sanh nghe một lượt trong một sát na tâm. Khủng khiếp như vậy.

Phút chốc đó Đức Phật khai thị cho chư đại Bồ Tát mười phương và khai thị cho chúng sanh khắp mười phương pháp giới này một lượt, do đó tất cả chúng sanh muôn loài đều nghe được ngôn ngữ gốc của Đức Phật. Khi nhập pháp giới tánh, người đó sử dụng được ngôn ngữ gốc để giáo hóa tất cả chúng sanh, gọi là Giáo hóa nhất thiết.

Chúng ta nói tiếng Việt Nam cho người Việt Nam nghe, người ngoại quốc nghe không được là chưa giáo hóa nhất thiết. Người sử dụng ngôn ngữ gốc chỉ trong một sát na là đủ một bài Pháp, đủ tất cả ngôn ngữ khai thị cho tất cả mọi loài, mọi người. Người thành tựu biện tài đủ sức Giáo hóa nhất thiết, người đó đủ hiểu được tất cả muôn loài điều gì muốn nói điều gì. Ngài An Thế Cao dịch kinh Bát Đại Nhân Giác hiểu được ngôn ngữ loài chim, Ngài nhập trong định có thể trao đổi được với nó, như vậy mới gọi là Giáo hóa nhất thiết.

Một người đã một lần vượt thoát khỏi thường tình của một chúng sanh, tâm họ hòa pháp giới, lòng thương của họ

không sót một chúng sanh nào. Đại bi tâm bùng vỡ để hòa nhập khắp pháp giới, thì khắp pháp giới này là tất cả chúng sanh nằm trong tâm người đó, là thân phần của người đó, cho nên người đó thương không sót một chúng sanh nào, lúc đó mới gọi là đại bi tâm. Họ thông cảm tuyệt đối với tất cả chúng sanh, tạo đủ mọi phương tiện, tìm mọi cách dẫn dắt chúng sanh đi tới giác ngộ giải thoát, lúc đó mới gọi là Giáo hóa nhất thiết.

**Tất dĩ đại lạc** (Để đạt được đại lạc). Làm cho chúng sanh đại lạc. Từ xưa tới giờ chúng ta vui một chút lại có chuyện buồn, đó không gọi là đại hỷ. Khi chúng ta đạt được đại hỷ thì nó không bao giờ còn hay mất với chúng ta nữa, có là có hoài. Phải đạt tới cảnh giới vô ngã, Niết bàn, tới an lạc thanh tịnh tuyệt đối mới gọi là đại hỷ. Kinh Bát Đại Nhân Giác không đơn giản.

Làm cho chúng sanh tới giác ngộ giải thoát hoàn toàn, thoát khỏi những khổ não trong sanh tử này mới gọi là đại hỷ. Hỷ lạc đó với chúng sanh không bao giờ bị tắt mất, không phút nào người đó bị khổ. Trong kinh Di Đà gọi là cảnh giới Cực Lạc, vui mà không vương bận, một máy động nhỏ của khổ đau cũng không có với họ. Dứt sạch mười Tập nhân đau khổ trong Tứ diệu đế thì người đó mới được đại lạc.

Nhập định năm mươi năm chúng ta vui cũng chưa phải đại lạc. Đại lạc là không phút giây nào chúng ta không vui. Cho nên Bồ Tát thì phải học rộng nghe nhiều, hiểu thấu tất cả kinh điển, tăng trưởng trí huệ, thành tựu vô ngại biện tài và làm sao cho tất cả chúng sanh đến với chúng ta là vì chuyện giác ngộ giải thoát, vui trong cảnh giới Niết bàn, mới gọi là đại lạc.



## 6. Điều giác ngộ thứ sáu:

### VĂN KINH

**Đệ lục giác chi: Bàn khổ đa oán, hoành kết ác duyên. Bồ Tát bố thí, đẳng niệm oan thân, bất niệm cự ác, bất tăng ác nhân.**

### DỊCH

*Điều giác ngộ thứ sáu: Người nghèo khổ thì nhiều oán hờn, kết duyên ác, Bồ tát bố thí thì oán thân bình đẳng, không nhớ lỗi ác của người khác, không ghét người ác.*

### GIẢNG

*Bàn khổ đa oán, hoành kết ác duyên.* (Người nghèo khổ thì nhiều oán hờn, kết duyên ác). Trong kinh Đức Phật dạy, những người bần cùng trong xã hội thường hay gặp khó trong công việc làm ăn sinh sống cũng như trong sinh hoạt hằng ngày. Khi gặp khó thì họ oán trách hoàn cảnh, xã hội, con người. Nhiều khi họ không đủ cơm ăn, không đủ áo mặc, nhà ở không đủ ấm họ cũng oán trách người khác. Không được có cuộc sống như mọi người, nhà dột, bếp thấp, đêm ngủ mưa gió không nấu cơm được, vợ con co ro cúm rúm, họ oán trách ông trời ác nhân sát đức không thương chúng sanh.

Đối với trời đất họ cũng oán trách cho được, trời nắng rọi vô nhà họ cũng oán trách, trời lạnh họ cũng oán trách. Với người giàu thì nói người ta mưu mô xảo quyệt, lường gạt, bóc lột đủ thứ chuyện cho nên có tiền của ăn sung mặc sướng, còn mình ăn uống cực khổ, thấy nghèo mà bạn bè không giúp, họ sống bất nghĩa v.v...

Về xã hội lúc nào giờ nào họ cũng có thể trách người

khác, gia đình vợ con thì chửi bới không biết làm ăn, không biết sanh sống, làm đâu thất bại đó, bất tài vô dụng. Ngồi đâu họ oán trách đó. Cả xã hội này, cả cuộc sống này gần như họ không bao giờ tươi vui cởi mở được, trong lòng lúc nào cũng buồn phiền, bực bội, oán trách người ta.

Rõ ràng nhân quả đạo Phật, mình nghĩ cái gì với thiên hạ thì ngược lại điều đó sẽ đến cho mình. Người nghèo khó mà chửi rửa người khác, mắng nhiếc, phiền hận thì cuộc đời của họ hết sức tăm tối. Bởi khi oán trách người ta mà họ không tu thì họ không vui với mình, mà không vui thì họ sẽ không giúp đỡ mình, cuộc sống mình luôn luôn vất vả mà vất vả hoài thì oán trách hoài, oán trách hoài thì tiếp tục vất vả nữa.

Nếu cái thấy nhìn chúng ta luôn bi quan, bế tắc thì cơ may phát triển sẽ không có. Tất cả cũng do tâm của mình chiêu cảm, trước sự việc chúng ta nhìn nó với cặp mắt cởi mở một chút thì sự việc sẽ lần lần tháo gỡ được, còn chúng ta nhìn nó với cặp mắt bế tắc hoàn toàn thì sự việc sẽ đi tới chỗ cùng. Ngay cả thân mình cũng vậy. Nếu bị bệnh nan y, biết mình sẽ chết với căn bệnh này và sẵn sàng chờ đón cái chết đến thì trăm bệnh sẽ đổ về. Tất cả kháng thể người đó không còn sống dậy, không còn sức để kháng lại bệnh tật, tất cả cơ quan nội tạng bắt đầu sụp đổ và nhiều bệnh nhiều đời nhiều kiếp dồn về, họ sẽ chết với bệnh này và không thầy nào có thể trị được. Còn người nào trong lòng nghĩ họ sẽ vượt qua được bệnh thì sức chống đối của cơ thể còn, kháng thể vẫn giữ nguyên, sanh hoạt của cơ quan nội tạng được ý chí và cuộc sống mình thay đổi, người đó có khả năng bệnh sẽ hết.

Có anh chàng hay sống lạc quan đi hùn hạp làm ăn với bạn bè. Người bạn tính toán sao đó lấy bảy mươi phần trăm,

còn anh chỉ có ba mươi phần trăm thôi. Người bạn kia thấy vậy nói mày làm ăn không chịu tính toán nó lấy lời nhiều quá. Anh chàng này nói: Không sao tại gia đình ông còn cụ già, có con đông, tôi chỉ có mình tôi với vợ tôi không có xài bao nhiêu, nên họ lấy bảy phần tôi lấy ba phần cũng được. Anh này gặp những việc bất trắc đều nghĩ tốt cho thiên hạ, không phiền muộn.

Người xưa nói: “Nếu cha mẹ bị lòng gặt mà không một lời oán trách thì phúc đó ba đời con cái hưởng không hết”. Đó là đức người mẹ để lại cho con. Đa số người nữ mất của hay than van nhưng do tâm bao dung rộng lượng của mình đủ để buông xả một điều gì đó trong cuộc đời này, mình không có than vãn, không có hơn thua, không có đấu tranh, không có giành giật thì đức đó đời sau con mình hưởng. Nếu chúng ta nhìn xã hội với cặp mắt cởi mở thì thực sự tốt cho mình nhưng nếu chúng ta nhìn với cặp mắt không cởi mở thì mọi việc tắt đi. Tâm chúng ta mở hướng nào là vạch con đường đó để chúng ta đi. Anh chàng lạc quan kia, có lần bị tai nạn cưa một chân, bạn bè hỏi: Bây giờ ông cụt một chân rồi, ông thử nói một câu lạc quan cho chúng tôi nghe. Anh nói: Từ đây về sau tôi chỉ tốn tiền mua một chiếc giày.

Trong đạo Phật có câu chuyện kể về hai vị tu sĩ. Hai vị đi khát thực trong mùa xuân tới mùa hạ thì quay về thất riêng của mình. Lần đó trong buổi chiều trời giông bão bay tốc hết một mái nhà, vị sư đệ trẻ tuổi trách trời trách đất không thương chúng tôi là những tu sĩ nghèo khó, chỉ có một thất lá để ở mà bị thổi sập hết một mái. Mấy người nhà giàu còn nguyên hết, họ ăn no ngủ yên, chăn êm nệm ấm, mà họ là người ác, không biết tu. Còn tôi là người tu sĩ sáng ra lễ Phật

cầu trời, nhưng trời Phật không thương tới mà thổi tróc hết nóc nhà thì tôi nay nếu mưa tôi sẽ bị ướt ngủ không được.

Ông sư huynh tuổi lớn lại đứng cười nói trời cũng thương chúng tôi, thay vì thổi luôn hết hai mái vẫn còn một mái để tôi nay chúng tôi ngủ. Tôi đó sư huynh ngủ rất ngon giấc, còn sư đệ ngủ không được, lo lắng trần trở, lạnh lẽo. Sư huynh vì ngủ ngon nên thức dậy tươi tỉnh ca hát, còn nói nhờ trời còn một mái nửa đêm thức giấc thấy trời đầy sao rất đẹp và gió thổi lồng lộng. Ông còn cảm ơn trời đất thương cho ông cảm nhận cảnh đẹp về đêm đẹp như thế nào, chứ hồi xưa ở trong nhà kín không thấy được những điều đó.

Người biết chuyện, biết tu, biết an với chính mình thì dù ở hoàn cảnh nào có tiền hay không có tiền, hoặc nghèo cùng người đó cũng tu tập, cũng tự an ổn để mình có cuộc sống hạnh phúc. Người có tiền mà không biết tu thì ở hoàn cảnh nào cũng khổ, cho nên mới xếp vào loại nghèo hèn khổ sở. Các vị tu sĩ sống ẩn trong rừng sâu ăn uống thiếu thốn vẫn sống an lạc. Những nhà giàu một khi làm ăn thất bại, vì đồng tiền họ có thể sử dụng thủ đoạn để họ có tiền trở lại.

Trong Chứng Đạo Ca, ngài Huyền Giác nói: “*Trong Ta có vật vô giá xài hoài không hết*”. Ngài muốn nói mình đã có Tự tánh thanh tịnh, đầy đủ không thiếu thốn bất cứ thứ gì và xài hoài không hết, sống an lạc, vượt qua những khổ nạn và tránh được ác duyên. Ngày xưa Đức Phật dạy trong kinh, đối với những bậc minh quân thì phải có luật lệ để dạy dân và cấp dưới. Khi xét đoán việc nông nghiệp thì họ cung cấp giống để cho dân làm, nếu họ có khả năng về buôn bán kinh doanh thì cấp vốn, họ có khả năng về hành chánh thì cho họ chức vụ và lương. Tùy theo khả năng trình độ của dân mà cung cấp

những vật dụng phương tiện cho họ đủ sống. Khi đó họ sẽ không chơi bời lêu lổng, không gây mất trật tự an ninh, thậm chí họ còn đem lợi cho ngân sách quốc gia. Tự bản thân họ an vui sinh sống thì xã hội tốt đẹp và đất nước đó thanh bình.

Kể từ thời Đức Phật, vấn đề xã hội, con người, Đức Phật hướng dẫn rất tốt để đem lại sự bình yên chung. Người nghèo biết tu họ vẫn sống tốt, không kết oán kết thù, người giàu có cuộc sống an lạc.

***Bồ Tát bố thí, đấng niệm oán thân, bất niệm cựu ác, bất tăng ác nhân.*** (*Bồ tát bố thí thì oán thân bình đẳng, không nhớ lỗi ác của người khác, không ghét người ác*). Khi mình khởi tâm bố thí giúp đỡ mọi người thì người thân cũng cho chùng đó, người không thân cũng cho chùng đó, không phải người thân thì được hưởng nhiều còn người không thân thì không cho, hoặc cho rất ít. Không nhớ việc ác của người và không ghét người làm ác. Nếu họ sống bình thường không có oán hận với mình, thì mình cho cũng dễ nhưng người đã tạo ác với mình rồi thì mình cho khó vô cùng.

Thiền sư Hà Trình ở chùa Di Lạc Đài Loan kể rằng, lúc Ngài còn ở trong chùa giữ y bát trong chúng, còn có huynh đệ làm trà đầu chuyên nấu trà cho chúng. Lần đó, Ngài đi vệ sanh quên đem giấy theo, vị trà đầu cũng đi vệ sanh phòng kế bên, Ngài lên tiếng xin, Ngài trà đầu có ác ý đưa giấy vệ sanh xài rồi cho Ngài cầm dơ tay, Ngài cũng không phiền hà gì. Chuyện cũng trôi qua, đến một hôm ngài Hà Trình dời liêu thì vị trà đầu tới, ngài Hà Trình nói:

“-Cũng may tôi dời liêu có sư huynh, xin sư huynh ở đây giữ giùm, tôi đem cái nệm này đi trước đồ còn lại tôi đem đi sau.”

Lúc Ngài quay trở lại thì phát hiện tiền của mình để trong ngăn tủ mất bảy mươi phần trăm, Ngài biết ông trà đầu này lấy chứ không phải ai, khác nhưng Ngài không nói gì. Cuối cùng Ngài lấy thêm hai mươi đồng còn lại cho luôn, ông trà đầu thấy ngại không dám nhận. Ngài nói:

“-Không sao, huynh đệ giúp nhau, tôi thường có thí chủ cúng dường mà chùa cũng cung cấp cho tôi một tháng mấy đồng, tôi cũng không thiếu thốn gì, sư huynh không được dư giả lắm, cho sư huynh.”

Một tháng sau, trong chúng phát hiện vị trà đầu rất nhiều tiền, chúng hỏi ở đâu có? Vị trà đầu nói là ngài Hà Trình cho Chúng kêu ngài Hà Trình lại hỏi, Ngài công nhận đã cho người này.

Nếu như ngài Hà Trình phiền người lấy cắp thì lên tiếng đi để vạch mặt người này ra cũng được, nhưng Ngài không làm việc đó để cho người ta đau khổ vì mình. Cuối cùng cũng cảm hóa được vị trà đầu. Sau này ngài Hà Trình kể lại trước kia Ngài là người bệnh hoạn rất nhiều nhưng sau biến cố đó Ngài tự động hết bệnh mạnh khỏe luôn. Ngài lập rất nhiều nơi cho Tăng Ni tu học ở Mianma, một số nơi ở Đài Loan. Do công hạnh tu tập tốt mà cuối đời Ngài chết để lại nhục thân, hiện đang thờ tại chùa Di Lạc ở Đài Loan.

Khi Bankei tổ chức vài tuần thiền tách biệt, học trò từ nhiều nơi ở Nhật đổ tới dự. Một học trò thuộc vào một trong những nhóm học trò này bị bắt vì ăn cắp. Vụ này được báo lên cho Bankei với yêu cầu kẻ phạm tội phải bị đuổi đi. Bankei bỏ qua vụ này. Lần sau học trò này lại bị bắt trong một hành động tương tự, lần nữa Bankei lại không xem xét tới sự vụ. Điều này làm cho các học trò khác tức giận, những người này

viết đơn thỉnh cầu đuổi tên trộm, nói rằng nếu không làm vậy họ sẽ rời bỏ nhóm.

Khi Bankei đọc lời thỉnh cầu ông ấy gọi mọi người tới trước mình. "Các trò là đạo hữu khôn đấy," ông ấy bảo họ. "Các trò biết cái gì là đúng và cái gì là không đúng. Các trò có thể đi chỗ khác để học nếu muốn, nhưng trò đáng thương này thậm chí còn không biết cái đúng với cái sai. Ai sẽ dạy anh ta nếu ta không dạy? Ta sẽ giữ anh ta lại đây cho dù tất cả các trò bỏ đi." Người ăn trộm xúc động trước lòng từ của Bankei, từ đó về sau xin hứa trước chúng sẽ không ăn trộm nữa.

Người xuất gia tu hành thấy người xấu không tha thứ được, vì họ đã gây khó khổ mọi người từ trước tới giờ quá nhiều lần. Nếu như đuổi người ăn trộm ra đường thì xã hội ghét, họ sẽ bị đói khát, sống đau khổ lang thang ngoài đường. Còn mấy ông khôn không ăn trộm, tu hành có đức ra đường Phật tử cúng dường, các ông sẽ có cuộc sống an ổn hạnh phúc, mấy ông cứ ra đi, người ăn trộm để Ngài dạy lại chừng nào họ khôn sẽ tính sau. Tất cả những vị tu tập tốt khi người khác làm ác với mình, họ gần như bỏ qua được, tha thứ được. Chính nhờ lòng từ bi tha thứ đó mà cảm hóa được người ta.

Đức Phật dạy khi chúng ta bố thí thì phải bình đẳng thương yêu tất cả mọi người. Ngoài việc bố thí tiền, chúng ta còn giúp cho họ được cuộc sống bình an hạnh phúc. Người tạo ác thì chắc chắn xã hội sẽ ghét, chỉ duy nhất người tu là thương được người ác mà thôi. Đã là người xấu rồi thì đi đâu cũng bị người ta chửi, chê, ruồng đuổi, không ai tiếp nhận chỉ có đạo Phật mới dung chứa và cải đổi họ được.

Nếu lỡ người xấu đi ra đường bị người ta rượt đuổi thì

chắc chắn là họ trốn vô chùa, hai là họ kiếm thầy tu nương nhờ, ít khi nào họ chạy núp nơi người dân bình thường, vì người dân sẽ la lên và họ bị bắt. Cho nên Đức Phật dạy chúng ta bố thí bình đẳng, không nhớ lại việc ác của người ta. Trường hợp vị trà đầu, nếu ngài Hà Trình nhớ lại việc ác phát hiện nói ra trước Tăng chúng, sẽ không giúp được người đó yên tu.

Trong kinh Đại Bửu Tích nói có ba chương ngại trong lúc chúng ta bố thí, là mình còn chấp ngã, còn thấy có mình, có người nhận thí và có vật thí là chúng ta rớt vào ma sự và chắc chắn chúng ta sẽ gặp nạn về sau. Cho nên khi bố thí phải không thấy mình là người thí, không thấy người nhận của thí, không thấy vật thí gọi là Bố thí Ba la mật, tức là Bố thí Tam luân không tịch.

Ở Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật cũng có nói một số điều người bố thí phải tránh. Thứ nhất, vì người ta trước kia cho mình giờ mình cho lại, tâm niệm đó cũng không cho phép. Thứ hai, mình nghe trong Kinh nói bố thí phước vô lượng vô biên, nên mình bố thí để mai mốt mình được nhận trở lại, điều đó cũng không được cho phép. Thứ ba, bố thí để cầu phước báo, mình cho người khác để mình cầu được sanh về cõi trời, cho người khác để mình được cái gì hơn bây giờ nên mình bố thí. Hoặ mình coi bói người ta nói năm nay mình bị tai nạn, nên bây giờ mình bố thí để vượt qua tai nạn, bố thí đó cũng được xếp vào hạng bố thí không tốt. Thứ tư, chúng ta bố thí vì cầu danh, thấy báo chí khen người này bố thí cúng dường nhiều, mình cũng có tiền nên bố thí để được tiếng thơm. Hoặ chúng ta bố thí vì ganh tỵ với bạn bè, mình thấy họ bố thí được người quan trọng quý mến họ, bây giờ mình bố thí để được như họ. Hoặ người ta nghèo đi bố thí giúp người nghèo, còn



mình giàu không giúp cũng kỳ cho nên mình cũng làm việc bố thí để mình được xã hội tôn trọng. Hoặc người ta bán hàng cũng như mình nhưng được nhiều người quý mến, do hạnh bố thí của họ nên người khác đến mua nhiều. Còn mình từ xưa đến giờ chưa bố thí lần nào nên không chiêu dụ được người mua, bây giờ mình bố thí để chiêu cảm tình người khác cho họ thấy mình cũng tu tập tốt, có lòng thương người để họ tới mua đông hơn. Tất cả những tâm niệm bố thí như thế đối với đạo Phật là không tốt.

Đức Phật dạy bố thí để gạn lọc thân tâm của mình, để được yên ổn tu tập cho tới ngày giác ngộ giải thoát, hai điều đó mới được chấp nhận trong kinh, còn ngoài tâm niệm đó ra không chấp nhận được. Trong kinh Kim Cang, Đức Phật dạy bố thí không trụ tướng. Nếu người bố thí còn rớt vào tứ tướng: Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì người đó không phải hành hạnh Bồ Tát.

Thấy mình là người bố thí, mình khác với mọi người là ngã, người nhận vật thí là nơn. Trước khi bố thí, chúng ta rà soát xem người đó có thực sự nghèo, có xứng đáng để mình giúp không, mình sanh tâm đó gọi là chúng sanh. Rồi sau khi mình giúp họ có cảm ơn mình không, có nhớ mình là người ơn để khi ra đường họ phải cúi đầu chào mình thì mình vui, không ai khen tặng mình là mình buồn, là thọ giả. Hành bố thí mà chúng ta còn bị vướng vào tứ tướng thì không phải là người hành bố thí.

*“Bồ Tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí”*. Khi bố thí chúng ta phải liả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là bố thí cấp bậc cao, là công phu

tu tập chứ không phải là việc làm phước bên ngoài. Như vậy mới gọi là Bồ thí Ba la mật.

Một phen mắt thấy sắc mà trong tâm chúng ta không vướng lại bất cứ hình sắc nào, gọi là mắt bồ thí không trụ nơi sắc. Tai chúng ta nghe âm thanh thì dù âm thanh hay, âm thanh dở, khen chê mình cũng không vướng, gọi là bồ thí không vướng âm thanh. Khi chạm tới mùi thơm mùi hôi mình cũng không vướng trở lại, là bồ thí không dính mùi. Lưỡi khi nếm vị ngon, dở, ngọt, mặn, đắng chúng ta không bị đau khổ, không vui thú nơi lưỡi là bồ thí không dính vị. Thân chúng ta xúc chạm trời nóng, trời lạnh, mặc đồ thô nhám hay bóng láng chúng ta cũng không đắm luyến hoặc khổ sở vì nó là bồ thí không trụ nơi xúc chạm. Hoặc chúng ta ngồi một mình tưởng tượng chuyện này chuyện kia trong đầu mà chúng ta không vướng lại, là bồ thí không trụ pháp trần.

Một người hoàn toàn căn trần không dính nhau thì người đó gọi là Bồ thí Ba la mật. Đừng nghĩ Bồ thí Ba la mật là đem tất cả tiền bạc của cải ra để bồ thí. Bồ thí Ba la mật là cấp độ rất chuyên sâu. Tất cả những gì ở trần gian chúng ta trả về hết cho trần gian, trong tâm chúng ta không dính mắc, lúc đó gọi là Bồ thí Ba la mật. Tất cả tình cảm thương yêu, những của cải vật chất, những duyên cảnh có ra trong xã hội này nơi tâm chúng ta không dính mắc mới xứng đáng gọi là Bồ thí Ba la mật. Như vậy mình mới thoát khỏi trần gian này và đi ra.

Bồ thí Ba la mật là bồ thí đáo bỉ ngạn sang bờ kia, đến bờ giác ngộ giải thoát. Trong khi bồ thí vật chất mà chúng ta còn vướng duyên cảnh, là chúng ta còn ở bờ sanh tử, vẫn phải còn si mê, lầm lạc, khổ đau thì chưa phải Bồ thí Ba la mật.

Trong bồ thí có bồ thí tài, bồ thí Pháp và bồ thí Vô úy. Bồ thí tài có bồ thí nội tài và bồ thí ngoại tài. Bồ thí ngoại tài là chúng ta có thể cho họ tiền của, giúp họ phương tiện. Bồ thí nội tài là chúng ta dùng sức lực của mình, là hạnh sống tốt của mình giúp họ. Ví dụ ngày nào chúng ta cũng giữ thời khóa tụng kinh đúng giờ, sống với xã hội là người tốt để người ta nhìn thấy mình là người Phật tử gương mẫu, đó cũng là hình thức bồ thí nội tài.

Bồ thí nội tài không phải chúng ta dùng sức giúp người này người kia, mà bồ thí nội tài là thể hiện cuộc sống đẹp của một người trọn vẹn đạo đức giữa cuộc sống này. Dùng thân xác và cả cuộc sống của mình trở thành con người tốt của xã hội, để người ta nương theo tu học, đó cũng là hình thức bồ thí nội tài.

Một vị Sư tu tập trên núi. Bà kia dẫn con lên thưa:

“-Con của con hư quá, quậy phá ăn chơi riết, nghe tiếng Hòa thượng đạo hạnh xin Ngài từ bi khuyên một câu cho nó chuyển hóa quay về con đường thiện, gia đình con chỉ có một đứa con trai.”

Hòa thượng nói: “Về đi nửa tháng sau quay lên gặp Ta.”

Mẹ con đi về, đúng nửa tháng sau lên gặp Hòa thượng. Hòa thượng chỉ nói một câu duy nhất:

“-Thôi về ngoan đi nghe con!”

Bà kia tức lên: “Tại sao câu này nửa tháng trước thầy không nói, giờ thầy nói có một câu vậy thôi?”

Vị thầy nói: “Nửa tháng trước Ta nói câu này thằng nhỏ sẽ không chuyển hóa, nhưng nửa tháng nay Ta tu tập công phu đủ lắm Ta mới nói được câu này. Nên về để ý con người

được chuyển hóa”. Từ đó đưa nhỏ về nhà nó ngoan thiệt.

Thân giáo có lực gì đó có thể cảm hóa được mọi người. Có khi người đó có lời nói hay nhưng chưa sống tốt thì chuyển hóa người ta không tốt được. Có khi thấy họ xách nặng mình giúp, thấy người ta sợ hãi mình khuyên lơn, nhưng chính bản thân chúng ta không sửa đổi cho tốt thì người ta chỉ cảm ơn mình phơn phớt bên ngoài, chứ không giúp được họ chuyển đổi. Bồ thí nội tài cũng dính tới bồ thí Pháp là dùng trí tuệ và công phu giảng thuyết Phật pháp. Người tu sĩ có đạo hạnh thể hiện trọn vẹn Phật pháp, mặc dù không nói lời nào cũng là bồ thí Pháp.

Thời Tứ Tổ Đạo Tín đang tọa thiền thì có một thiền khách đứng nhìn Tứ Tổ và chạm được lực thanh tịnh của Tứ Tổ người đó ngộ đạo quý xuống lạy. Sau đó Ngài qua phương Nam giáo hóa, đó là Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Hoặc ngài Thủy Lạp hỏi Mã Tổ:

“-Thế nào là đạo?”

Mã Tổ cho một đập lăn cù cù, Thủy Lạp bật lên cười. Sau này đi làm đạo Thủy Lạp nói:

“-Kể từ ngày Ta nhận một đập của Mã Tổ cho tới bây giờ không bao giờ thiếu tương dưa, rau muối.”

Sau cái đập là ngộ đạo. Nếu không bồ thí Pháp như vậy thì không thể ngộ đạo được. Khi đã nhận đạo thì người đó đã thấy đủ không thiếu thốn gì ở trần gian này. Cuộc sống của Đức Phật, từng hành động cử chỉ nhỏ, là một bài Pháp tuyệt diệu. Lúc Đức Phật đi, Đức Phật đứng đều thể hiện trọn vẹn Phật pháp, mà ít ai thể nhận được.

Bồ thí Pháp có hai dạng: Bồ thí Pháp và bồ thí Giáo. Bồ thí giáo là người nói chuyện kinh điển cho người khác

nghe, có người hiểu về ứng dụng tu nhưng ít có chuyên hóa, còn bố thí Pháp là đối diện người đó mình được chuyên hóa. Đức Phật nhiều lần không dùng ngôn ngữ lời nói để thuyết Pháp mà vẫn chuyên hóa được người khác, thậm chí họ có thể chứng quả này quả kia trong Phật pháp, đó là bố thí Pháp thực thụ. Có khi nghe xong bài Pháp chúng ta có cuộc sống mới liền, vì người đó bố thí trọn vẹn cả thân lẫn tâm.

Một hôm Đức Phật nhìn thấy trong hàng đệ tử có vị Tăng chuẩn bị chúng A La Hán, nên Đức Phật đi khát thực rủ vị Tăng này đi mà không cho A Nan đi chung. Sau khi khát thực và thọ trai, về giữa đường Đức Phật hóa ra ao sen, bảo vị Tỳ kheo ngồi trên bờ ao chờ Đức Phật đi vào rừng một chút. Lúc Đức Phật vào rừng ẩn thân, Ngài biến hiện ao sen trở hoa rất đẹp. Vị Tỳ kheo chờ Đức Phật lâu quá nhìn xuống ao thấy hoa sen đẹp vô cùng, Ngài nhập tâm vào hoa sen đó. Đức Phật thấy đệ tử nhập tâm vào hoa sen rồi ngã nhon đều bật, thì sử dụng thần thông làm cho hoa héo gục xuống. Ngay khi hoa gục xuống vị này ngộ đạo chứng quả A La Hán. Khi đó Đức Phật bước ra dẫn về giới thiệu với đại chúng, vị này đã chứng quả A La Hán do ngộ lý vô thường.

Ngài Huệ Hải khi gặp Mã Tổ. Mã tổ hỏi:

“-Ngươi tới đây làm gì?”

Ngài Huệ Hải nói: “Con tới đây để cầu thành Phật chứ không vì việc gì khác.”

Mã Tổ nói: “Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài mà đi tìm cầu bên ngoài làm gì?”

Ngài Huệ Hải nói: “Thưa Hòa thượng, cái gì là kho báu của con?”

Mã Tổ nói: “Chính ngay câu ngươi hỏi Ta, đó là kho

báu của người xài hoài không hết.”

Ngay đó ngài Huệ Hải ngộ đạo. Sau đó Ngài viết Thiền đốn ngộ rất hay, được người đời công nhận Ngài là bậc Đại trí trong thời đó.

Ngài Bá Trượng là Thiền sư có tiếng ở Trung Quốc. Ngài cùng Thầy mình đi trên đường gặp con le le bay thả trái hồng xuống chia nhau ăn. Đi một đoạn nữa, Ngài nhìn lên trời thấy một bầy le le đang bay, vị Thầy quay lại hỏi:

“-Nó bay đâu rồi?”

Bá Trượng trả lời: “Nó bay qua rồi.”

Thầy của Ngài chụp lỗ tai Ngài ngắt thật mạnh, Ngài la lên, Thầy nói: “Sao không nói bay qua đi?”

Ngài Bá Trượng nhận được đạo lý. Sáng hôm sau, Sư phụ vừa lên tòa chuẩn bị thuyết Pháp thì Ngài cuộn chiếu. Sư phụ ra thấy chiếu cuộn rồi thì xuống không dạy đạo lý. Chúng hỏi:

“-Sao Sư phụ lên tòa không giảng dạy?”

Sư phụ nói: “Hỏi Bá Trượng thì biết.”

Chúng vô trong thất hỏi Bá Trượng: “Tại sao Hòa thượng chuẩn bị lên giảng mà ông cuộn chiếu?”

Bá Trượng khóc nói: “Hòa thượng hôm qua nhéo lỗ tai Ta đau quá”.

Vị kia cũng biết nên hỏi: “Bây giờ thì sao?”

Bá Trượng nói: “Bây giờ thì hết đau rồi.”

Bá Trượng cười lên. Đó là kiến giải của Ngài. Các vị Tổ sư đều thể hiện Phật pháp trong cuộc sống của mình mà rất nhiều người ngộ, không phải nói bằng lời mà bằng tất cả hành động, cử chỉ.

Ngài Đạo Ngộ là Thầy của Sùng Tín, lúc Sùng Tín chưa xuất gia đi bán bánh bao, mỗi sáng hay đem bánh bao cúng dường cho ngài Đạo Ngộ. Cúng dường ba cái bánh bao, ngài Đạo Ngộ để lại một cái dùng hai cái. Mỗi lần như thế ngài Đạo Ngộ nói: “Nếu người xuất gia trong chùa, Ta sẽ nói đạo lý cho người nghe”, chỉ nói vậy thôi. Nhiều lần Sùng Tín suy nghĩ, mình bán bánh bao cũng không khá lắm, thôi theo Sư phụ phát tâm xuất gia tu học. Khi xuất gia ở trong chùa với ngài Đạo Ngộ thì Sùng Tín được cử làm thị giả, sáng bụng nước lên cho Sư phụ uống, tới giờ cơm thì bụng cơm cho Sư phụ ăn, rồi thôi, không thấy gì, cũng không nghe nói câu nào.

Cho tới ba năm sau, Sùng Tín vẫn chờ đợi Sư phụ nói Phật pháp cho mình nghe. Bữa đó chịu hết nổi rồi, tới giờ cơm trưa Sùng Tín lên thưa Sư phụ:

“-Hỏi con bán bánh bao Thầy kêu con vô chùa xuất gia Thầy nói Phật pháp cho con nghe con tu, tới giờ này con chưa nghe Thầy nói câu nào hết”.

Ngài Đạo Ngộ nói: “Ta chưa từng không nói Phật pháp cho người”.

“-Ngài nói con hỏi nào?”

- “Khi người bụng nước lên Ta vì người mà tiếp, người để cơm cho Ta ăn Ta vì người mà nhận, người xá lui Ta vì người mà gạt đầu, chỗ nào không nói Phật pháp cho người?”

Sùng Tín đứng suy nghĩ một hồi. Ngài Đạo Ngộ nói:

- “Nhận thì ngay đó liền nhận, không nhận liền qua”.

Ngay đó Sùng Tín nhận được đạo lý.

Tất cả hành động cư xử sống giữa cuộc đời này, các vị đạt đạo đều thể hiện trọn vẹn trong đi, đứng, nằm, ngồi đều là bài Pháp thực thụ cho chúng sanh chứ không đợi lên tòa để nói. Chuyển đổi được từ phàm phu tới Thánh Hiền, thoát khỏi lầm mê sanh tử luân hồi mới gọi là bố thí Pháp trọn vẹn.

Bố thí Vô úy thì ở tâm cao, giúp người ta đừng sợ hãi. Ví dụ có người sợ con sâu thì chúng ta bắt giùm, hoặc chúng ta dắt tay bà cụ qua lộ, hoặc người nào sợ hãi chuyện gì đó thì chúng ta khuyên lơn, hoặc gia đình cha mẹ đi vắng nhà đưa bé sợ thì chúng ta tới giữ phụ, tất cả những chuyện đó là bố thí thường.

Trong Phật pháp người bố thí Vô úy phải có những pháp tu, có những phương tiện hướng dẫn người ta tu tập thoát khỏi sanh tử luân hồi, tức là bố thí không sợ hãi cho chúng sanh. Thời Đức Phật, vua chúa hay thường dân hay người ngoại đạo gặp Đức Phật thì Đức Phật đều giúp người ta giác ngộ. Bản thân người bố thí Vô úy phải được giác ngộ giải thoát, mới ban phát sự giác ngộ giải thoát cho mọi người, mới bố thí Vô úy trọn vẹn đúng nghĩa của đạo Phật.

Dù chúng ta bố thí ở chừng hạn nào đó Đức Phật cũng dạy phải bình đẳng, đối với mọi loài mọi người chúng ta phải thương yêu, không được phân biệt so sánh, không được nhớ tới lỗi cũ của người ta, không được ghét người ác. Hồi chưa học Phật tâm chúng ta rất nhiều điều xấu ác, bây giờ được học Phật, được cải đổi trở thành người tốt, thì chúng ta phải biết thương người ác giữa đời này để họ được như mình, hưởng phúc lạc, hưởng những ngày sống bình an ở trong đạo Phật.

Nếu chúng ta xua đuổi họ chỉ khuyên khích Phật tử đi chùa thì đạo Phật bị bó lại không lan rộng ra ngoài và người



ác không có cơ hội làm lành. Dù làm ác nhưng tâm họ vẫn có cái thiện, đừng nghĩ họ ác không cải đổi được. Cảm hóa được người ác thì phước chúng ta lớn vô cùng. Đức Phật dạy người nghèo khổ nhiều oán hờn hay kết duyên ác, nếu biết đạo lý thì oán hờn họ sẽ ít hơn, sẽ bớt duyên ác và họ cũng được sống an lạc.

Người bồ thí đúng nghĩa đạo Phật phải lìa tứ tướng, không dính mắc lục trần, thường xuyên bồ thí, phải thương yêu một cách bình đẳng tất cả chúng sanh muôn loài. Một ngày nào đó nghĩ tới mọi người chúng ta không còn ghét nữa, người nào chúng ta cũng thương, dù người đó trước kia có hơn thua, lòng gạt, ăn hiếp, hãm hại, thậm chí giết mình nhưng giết mình chưa chết, bây giờ mình sống lại gặp họ, mình cũng không thù hận được thì chừng đó chúng ta đã tu tốt rồi.

Nói tới bồ thí Vô úy đòi hỏi bản thân chúng ta phải đạt được giác ngộ giải thoát thực sự, dắt người tới giác ngộ giải thoát lúc đó chúng ta mới bồ thí một cách trọn vẹn là Bồ thí Ba la mật. Bản thân mình sang bờ kia sẽ giúp người khác sang bờ kia. Hoặc bồ thí nội tài thể hiện trọn vẹn đạo đức cũng có thể giúp người thoát khỏi sanh tử luân hồi, mới thực hiện trọn vẹn đạo bồ thí Đức Phật dạy.

## **7. Điều giác ngộ thứ bảy:**

### **VĂN KINH**

**Đệ thất giác chi: Ngũ dục quá hoạn, tuy vi tục nhân, bất nhiễm thế lạc. Thường niệm tam y, bình bát,**

**pháp khí, chí nguyện xuất gia, thủ đạo thanh bạch, phạm hạnh cao viễn, từ bi nhất thiết.**

### **DỊCH**

*Điều giác ngộ thứ bảy: Năm dục là tai họa, người ở trong thế tục không nhiễm dục lạc, luôn nhớ nghĩ ba y, bình bát và pháp khí, ý chí mong cầu xuất gia, giữ được đạo thanh tịnh, phạm hạnh cao vời, có lòng từ bi rộng khắp.*

### **GIẢNG**

*Năm dục là tai họa, người ở trong thế tục không nhiễm dục lạc.* Tất cả chúng ta sống trong cõi này rất hiếm có người thoát năm dục là tài, sắc, danh, thực, thù. Đức Phật dạy: Ngũ dục ngọt ít cay đắng nhiều, vui sướng ít khổ đau nhiều, người vướng vào ngũ dục thì phiền não khổ đau tràn ngập trong tâm.

*Tài:* Nếu chúng ta hiểu được giá trị đồng tiền dùng đúng nghĩa thì cuộc sống ít phiền muộn. Nhưng có những người rất quan trọng đồng tiền, vì tiền con người ta sẵn sàng làm tất cả, họ có thể giết người để đoạt lấy của cải, hoặc lường gạt đôi gạt người khác, cướp bóc hoặc dùng thủ đoạn. Để có tiền trong tay họ không nghĩ họa hoạn, không nghĩ tới nhân quả về sau nên ở đây Đức Phật cho rằng ngũ dục là tai họa.

Trước khi có tiền chúng ta cũng vất vả gian truân, ngay khi có tiền chúng ta cũng sợ hãi lo âu và sau khi bị mất tiền chúng ta lại tiếp tục đau khổ. Đức Phật cũng dạy đồng tiền là cửa năm nhà: Cửa nước lụt nếu gặp nước lụt thì tiền của bị cuốn trôi chúng ta mất hết, gặp hỏa hoạn thiêu rụi chúng ta cũng mất hết tiền của, con hư phá cũng tiêu tan của cải, gặp kẻ cướp thì tiền chưa kịp xài bị người khác lấy, hoặc vua quan

bóc lột dùng quyền thế lấy tiền của mình. Tiền không bền vững, chúng ta phải khéo léo giữ gìn và sử dụng.

Quy luật của đồng tiền luôn dao động, không dừng trụ, nếu chúng ta có ý dừng trụ thì nó sẽ bị bế tắc. Vì đồng tiền là vật dụng và phương tiện để chúng ta có thể mua sắm hay dùng xài tất cả những việc cần thiết trong cuộc sống này. Nếu chúng ta có tâm muốn gìn giữ, làm cho đồng tiền không lưu thông, bị bế tắc thì sẽ ngưng bít hướng đi tới của mình. Chúng ta khéo sử dụng đồng tiền làm sao có lợi cho mình làm những việc cho người, có nghĩa giữa cuộc sống này thì mới giữ được phước báo của mình để đồng tiền tới với chúng ta hoài.

Biết đồng tiền là vô thường, không bền chắc nên trong lúc xài tiền chúng ta không có tâm phung phí. Dù có tiền nhiều nhưng khi bung đồng tiền ra chúng ta phải hết sức trân trọng. Tuy đồng tiền không phải là sanh mạng của mình nhưng chúng ta phải quý vì quy luật, bỏ đồng tiền ra mà không tôn trọng, như có người khách tới nhà khi họ ra về mình không tiễn đưa, không quý trọng, họ về cứ về, mình ngồi mình cứ ngồi, tự động khách không tới mình nữa.

Nếu chúng ta xài tiền vô tội vạ, không có cực khổ để tạo ra tiền, ngủ thức dậy là có tiền trong tay để xài, không thấy giá trị của đồng tiền thì nó đi luôn, một thời gian mình sẽ hết phước không có tiền để xài. Tuy ngũ dục dẫn tới tai họa nhưng nếu chúng ta biết sử dụng thì nó sẽ trở thành lợi lạc.

Nếu chúng ta hiểu một chiều đồng tiền là tai họa mà không dám xài tiền, không làm ra tiền thì xã hội này sẽ như thế nào? Tai họa là do chúng ta sử dụng không đúng mục đích. Ví dụ người có tiền chỉ biết ăn chơi, hút sách, cờ bạc thì rõ ràng đồng tiền đó xài trong việc bất nghĩa thì phước chúng ta

sẽ tồn. Còn tiền qua tay người tốt, ngoài việc họ sử dụng đồng tiền đó phụng sự Tam Bảo, họ còn giúp đỡ người nghèo, bố thí cúng dường khắp mọi nơi thì đồng tiền trở thành giá trị. Cho nên giá trị của đồng tiền có hay không là qua tay người hiểu biết hoặc không hiểu biết.

Tất cả những việc trong trần gian này, việc gì nếu qua tay người tốt thì dù xấu nó cũng trở thành tốt. Như con dao qua tay người đầu bếp thì họ xắt gọt rất khéo léo để chúng ta có món ăn tốt, nhưng con dao qua tay người ác thì nó có thể giết người. Đồng tiền cũng vậy, nó có thể điều khiển được cuộc sống con người, có thể mua được tất cả mọi cái giữa đời này nhưng có một cái nó không thể mua được đó là tâm hồn chúng ta. Ví dụ người xấu ít khi nào có tiền họ trở thành tốt, hoặc người tốt bỏ đồng tiền ra để có thể chuyển đổi họ trở thành người xấu cũng khó.

Tiền tài là vật ngoài thân, không bền chặt. Người hiểu biết không bị vướng vào tiền, không bị đau khổ khi mất tiền, không mừng vui quá độ khi có tiền. Một người khi sử dụng được đồng tiền, hoặc sử dụng được của cải vật chất thì người đó có phước báo ngang tầm đó. Còn người không có phước báo muốn xài đồng tiền một cách thoải mái thì không thể được. Có đôi khi người nào đó phụng phí tiền của, xài tiền không cần đếm hoặc quăng tiền qua cửa sổ, nhưng nếu họ không có phước thì họ không thể cầm đồng tiền đó để xài một cách thoải mái đâu.

Có người từ nhỏ tới lớn sống cực khổ vất vả, xài tiền rất eo hẹp lại có cuộc sống bình yên. Đến hồi có tiền là bắt đầu bệnh, phải mua thuốc trị bệnh, không hưởng thụ đồng tiền trong việc ăn no mặc đẹp, vì phước họ không lớn để xài tiền

tự do. Khi chúng ta sử dụng đồng tiền với mục đích tốt đẹp, bố thí cúng dường, không phải lường gạt người khác, không phải cướp đoạt người khác, không phải lợi dụng người khác và người khác không đau khổ bởi đồng tiền của mình thì chúng ta không bị tổn phước, nhân quả đó nhiều đời nhiều kiếp được xài đồng tiền tự do thoải mái.

Có những người bắt ép người khác làm lưng vắt vả để tạo đồng tiền cho mình xài, lần lần họ bị tổn phước lành ở hiện tại và nhiều đời nhiều kiếp họ bị mắc nhân quả phải đền trả lại và không được xài đồng tiền tự do. Người có tiền, có của, có phước báo họ muốn mua sắm cái gì thì họ mua sắm theo ý mình, còn những người thiếu phước, kém vật chất tiền của, họ không có tiền để mua theo ý muốn của mình.

Nhiều khi không hiểu về phước báo họ đau khổ buồn tủi. Kẻ ăn trộm khi hết phước rồi chỉ cần lấy một chút xíu cũng bị bắt, nhưng khi còn phước dù họ có lấy bạc tỷ cũng không sao, vì họ đủ phước hưởng đồng tiền đó an ổn. Nếu của mình thì người ta lấy không được nhưng cái người ta lấy được thì cái đó không phải của mình, đã là của mình thì không ai giành giật được. Mình kém phước có tiền của là bị móc túi, lường gạt, trộm cắp phải hiểu đó là nhân quả cũ không nên buồn khổ.

Người hiểu biết đạo lý mong muốn đồng tiền của họ có lợi cho nhiều người, còn người không hiểu biết đạo lý thì mong muốn có tiền chỉ để làm lớn túi tiền của mình. Làm sao đồng tiền trở thành phương tiện tốt phục vụ công việc tu tập, có lợi cho Phật pháp và lợi cho nhiều người. Có nhiều vị tu sĩ cho ngũ dục là tai họa rồi phát nguyện tu tập không giữ tiền, nhiều khi xin đi nhờ xe có chủ xe không cho phải đi bộ tới trễ giờ thuyết giảng sẽ ảnh hưởng việc chung. Ngược lại vị lại

quan tâm tới tiền của phải thêm của cải vật chất cho mình đầy kho đầy chùa thì không đúng. Vì công việc Phật sự cần thiết để làm, làm xong thì thôi, không buồn, không khổ, không phiền muộn, khéo léo không bị lệ thuộc, không có thái độ chống báng hơn thua với ngũ dục, đừng hiểu một chiều sẽ ảnh hưởng việc chung.

*Sắc*: Có những người tu tập khi đối diện với người khác phái là bắt đầu quán bất tịnh, đó là cái đẫy hôi thúi, người đẹp không dám nhìn, hoa đẹp cảnh chùa đẹp không dám ngắm. Suốt quãng đời tâm chúng ta không chấp nhận cái đẹp, luôn từ chối ngũ dục, như vậy có phải là người thoát ngũ dục không? Không phải!

Đối với sắc đẹp mà chúng ta có tâm từ chối chê bai làm sao cho nó đừng có đẹp, thì cả đời chúng ta không biết một lần ngắm nhìn cái đẹp giữa đời này. Đẹp là đẹp, xấu là xấu đang hiện nơi chúng ta, chúng ta biết mà không vướng vào chứ không phải chê bai, từ chối, xua đuổi. Nội tâm mình không bao giờ chấp nhận cái đẹp thì chứa cái gì? Cái đen tối chúng ta chấp nhận nổi không?

Với người vướng mắc quá trong sắc dục thì Đức Phật dạy quán bất tịnh để họ đừng vướng mắc, nhưng sau đó họ quán lại thấy được sự thật đang hiện hữu, rồi tiếp nhận sự thật đó là đúng. Người công phu cao hơn chút nữa họ thấy tất cả những cái đẹp của trăng sao, trời đất, núi non, lá cây, nụ hoa, bông hoa mới nở, những sắc đẹp giữa trần gian này là tinh hoa của vũ trụ mà chúng ta từ chối là điều sai lầm. Không phải từ chối cũng không phải đắm nhiễm.

Không phải chúng ta cất chùa đẹp để người ta khen tặng, nhưng chùa thể hiện được trình độ tâm linh của vị trụ trì,

thể hiện nét văn hóa của đạo giáo. Nếu đủ duyên mình ở đó trụ trì, không có duyên tiếp tục thì chúng ta ra đi, không đau khổ, không tiếc nuối. Đối với tất cả những cảnh sắc đẹp bên ngoài và những người quan hệ như thế nào chúng ta thấy rõ như thế đó là đủ, không bị đắm nhiễm cũng không từ chối hoặc chê bỏ.

*Danh vọng:* Người đời có câu “càng cao danh vọng, càng dày gian nan”, hoặc “cây cao gió lớn”, thường người chức vụ càng lớn, có tiếng tăm thì mặt bên sau họ cũng bị nhiều tai tiếng. Tiên sanh Ohsawa nói “bề mặt càng lớn thì bề trái càng rộng”, một vị tu sĩ mà được nhiều người biết tới thì bên sau của họ cũng bị rất nhiều dư luận. Danh không thật, người ta thương mình thì bao nhiêu tiếng tốt sẽ tới, còn họ không ưa thì rất nhiều tiếng xấu, không ai trọn vẹn.

Khi chúng ta tu tập tốt, đủ phước để được danh cao chức trọng, ví dụ như được đề cử vào chức vụ chủ tịch huyện, chúng ta nên nhận và nên lưu giữ phước báo đó để làm lợi lạc cho nhiều người. Vì nếu đưa một người xấu lên sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển chung của xã hội. Người không có danh vọng dù tâm có tốt muốn cải cách cho xã mình ở tốt hơn muốn nói mà không ai nghe, nhưng ông chủ tịch nói là được. Chúng ta phải thấy được hai mặt của nó.

Trong kinh Đức Phật nói: “Không có việc gì dẫn tới đau khổ cho người khác bằng tâm của người chưa được điều phục. Cũng không có việc gì dẫn tới phúc lạc cho mọi người bằng tâm của người đã được điều phục”. Nếu người không có công phu tốt, khi đến với danh lợi họ quên đi ơn nghĩa, có thể quên đi điều tốt, quên đi sự phục vụ mọi người, chỉ sống chết vì danh lợi thì Đức Phật quả trách. Nhưng người có phước để

có thể làm quan chức, có thể làm lợi cho nhiều người mà người đó từ chối để không làm lợi cho nhiều người thì Đức Phật cũng quở trách.

Trong thời Đức Phật, đệ tử Đức Phật có rất nhiều người làm vua quan, họ ở danh vị rất cao và hiểu biết Phật pháp thì cả đất nước được nhờ. Đức Phật chỉ dạy chúng ta đừng tham đắm, đừng tham tâm, đừng đắm nhiễm, còn tất cả mọi cái đến đúng với phước báo thì chúng ta nên phát triển, để tăng trưởng phước báo của mình và làm lợi lạc nhiều người, điều đó trong kinh Đức Phật không cấm đoán.

*Ăn uống:* Chúng ta phải biết ăn uống như thế nào cho vừa với thể trạng của mình, gìn giữ được sức khỏe không bệnh tật. Không phải thấy ăn uống là nguy hiểm rồi chúng ta không thèm ăn thì tu được mấy ngày? Chắc chắn nửa chừng chúng ta kiệt sức và bệnh tật. Cái gì cũng có hai mặt hai chiều, nếu chúng ta không hiểu biết thì ăn uống làm trì độn cơ thể. Ví dụ buổi chiều mà ăn đồ lạnh, béo, ngọt thì chắc chắn đêm đó chúng ta tu không tốt, như vậy ngũ dục mới trở thành tai họa.

Người xưa nói họa từ khẩu xuất, bệnh từ khẩu nhập. Ăn uống hết sức quan trọng trong đời sống con người, chúng ta không thể không ăn uống, học Phật biết ăn uống là tai họa rồi từ chối không ăn luôn thì họa còn lớn hơn. Ăn uống có thể làm cho chúng ta đầy đủ sức khỏe, trí tuệ, hỗ trợ cho việc tu tập tốt hơn. Nhưng nếu chúng ta thiếu hiểu biết trong ăn uống, thích là ăn mà không biết vật này tốt hay xấu, cơ địa của mình giờ này được ăn món này hay không, mà cứ ăn thoải mái theo ham muốn thì nó trở thành tai họa thật sự.

*Ngủ nghỉ:* Ngủ nghỉ hết sức cần thiết cho não bộ chúng ta. Nếu mất ngủ một giai đoạn dài thần kinh suy nhược,



thậm chí dẫn tới bệnh tâm thần. Cho nên trong kinh Đức Phật dạy trong việc ăn, mặc, ở, ngủ nghỉ chúng ta không được sung mãn, chứ không phải không được đủ, phải đủ đúng với sanh hoạt cuộc sống của mình. Tổ Qui Sơn nói: “Tấn đạo nghiêm thân tam thường bất túc”, chúng ta bị mất ngủ cứ nghĩ ngủ ít sẽ tỉnh, coi chừng ngủ không đủ, không được sự nghỉ ngơi của não bộ nó sẽ bị hư hoại rất nhanh, một thời gian chúng ta sẽ bệnh tật.

Ví dụ chúng ta có sức khỏe tốt thì ban đêm ngủ năm tiếng, ban ngày ngủ một tiếng là vừa, còn ba phần tư thì sanh hoạt làm lung. Người sức khỏe tốt hơn nữa thì ngủ ít hơn, tiên sanh Ohsawa nói từ tuổi năm mươi Ngài ngủ một đêm bốn tiếng, từ tuổi sáu mươi trở lên Ngài ngủ một đêm có hai tiếng. Tức là tuổi trẻ ngủ nhiều nhưng càng lớn thì ít ngủ, quỹ thời gian của Ngài quá ít không đủ thời gian làm tất cả vì công việc của Ngài quá nhiều.

Chúng ta đừng để thiếu ngủ, nhưng cũng ngủ nghỉ có chừng mực, vừa đủ để tỉnh táo gìn giữ não bộ của mình. Giấc ngủ rất cần thiết cho não, người tu không được phá vỡ quy luật vật lý này, nhưng cũng không khuyến khích chúng ta ngủ nhiều, phải khéo sử dụng. Trong kinh Đức Phật nói: “Ta biết dục vị, Ta biết dục hoạn, đồng thời Ta biết dục thoát ly”. Có nghĩa hương vị của ngũ dục Đức Phật biết, nhưng Đức Phật thấy cái nguy hiểm của nó, Đức Phật biết cách thoát ly dục đó. Đức Phật muốn chúng ta thoát ra, chứ không phải không biết và từ chối hẳn.

Thực tế chúng ta không thể không ăn mà sống được, không cách nào không ngủ mà khỏe. Đức Phật gọi cho chúng ta hiểu và ý thức ngũ dục là họa hoạn để đừng đắm nhiễm,

trấp trước trong đó mà đau khổ. Người ở trong đó mà không trấp trước thì họ không bao giờ đau khổ. Chúng ta đừng sống theo kiểu khuôn khổ trấp trước khiến đạo Phật trở thành cùn lụt, bó hẹp, không phát triển đó là điều đáng tiếc.

Nếu người tu theo đạo Phật một thời gian mình không làm được cái gì, hết tiền, hết của, có chức có quyền bỏ hết, không ăn không ngủ như vậy chưa chắc là tu tốt. Về ngũ dục chúng ta phải hết sức tinh tế, khéo léo vì cửa thoát của nó rất nhỏ, nhưng cửa dính nhiễm thì rộng. Gần như đụng đầu cũng có thể dính được, đòi hỏi người tu Phật phải hết sức sáng suốt có trí tuệ thật sự để thoát ra.

Ngũ dục tinh tế nữa là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

*Sắc:* Nếu nói năm dục là nguy hiểm bây giờ mình từ chối, đi đâu nhắm mắt không thèm thấy, không hiểu được gì, không biết nó đúng hay sai vì nó là sắc là xấu, coi sắc là tai họa tu kiểu đó được không? Đức Phật dạy chúng ta thấy như thật, tất cả những cái hiện hữu như thế nào chúng ta như thật thấy biết như thế đó, không đắm nhiễm.

*Thanh:* Nghe cũng vậy, nghe là xấu chúng ta không nghe thì lấy gì chúng ta hiểu đạo lý? Nếu khéo thì chúng ta nghe những điều đem đến sự an lạc, không khéo thì nghe những điều đưa đến sự loạn tâm. Còn nghe để tăng thêm hiểu biết, kiến thức, nhận định đúng đắn với Chánh pháp thì chính Đức Phật khuyến khích Thánh đệ tử Đức Phật phải đa văn, học rộng, nghe nhiều mới đủ trí huệ nhận định chánh tà. Khi có kiến thức chúng ta mới nhận được đúng, sai, hay, dở. Kiến thức không có lỗi, lỗi do chúng ta chấp mắc trên đó, chúng ta được quyền nghe tất cả mọi cái để mình chất lọc ra đúng sai

làm lợi cho việc tu hành của mình, chứ từ chối nghe là không được.

*Hương:* Ngửi mùi cũng vậy, tất cả chúng ta đều phải bị vướng, như vô tình đi ngang qua chỗ ô uế buộc mình phải hít thôi, chạy không thoát. Lúc không khí tốt lành chúng ta cũng được hít thở, khứu giác được hoạt động thường xuyên nhưng cũng tránh né làm sao đừng để bị nhiễm.

*Vị:* Con người có cái lưỡi hết sức nhạy bén để có thể biết tất cả vị đưa vào miệng. Học ngũ dục là họa hoạn chúng ta từ chối hết tất cả những cái đưa vào miệng để lưỡi chúng ta không đụng chạm tới, đưa miếng mặn vô miệng không được biết, đưa miếng ngọt vô miệng không được biết, mình từ chối tất cả những hiểu biết trên lưỡi thì chúng ta sẽ trở thành người bệnh về lưỡi. Còn người có sức khỏe họ rất nhạy bén, khi chạm bất cứ vật gì, họ hiểu rõ vật đó.

*Xúc:* Chúng ta xúc chạm vật gì trơn nhám, hoặc trời nóng trời lạnh phải biết một cách rất rõ ràng, được quyền biết tất cả mọi cái. Xúc chạm tới chẳng lẽ mình không biết, từ chối hết là điều nguy hiểm chứ không có lợi. Người tu phải biết sử dụng trí huệ mình trong từng thời điểm, vừa chừng, đúng nghĩa và có lợi.

Nếu chúng ta từ chối hẳn ngũ dục không ăn, không uống, không ngủ, không nghỉ thì chắc chắn người đó không thành tựu được công phu. Người biết sử dụng và không bị vướng trong đó thì công phu rất tốt. Khi chúng ta tu tập đúng thì phước báo tăng trưởng, mà phước báo tăng trưởng tự động chúng ta có tiền của, có vật chất, gia đình hạnh phúc bình an. Còn tu tập một thời gian bị nghèo đi, không có tiền, không có của, thậm chí tu rồi trắng tay luôn, nói tôi tu tôi buông hết tôi

không dính cái gì thì phải xét lại. Bản thân chúng ta không có lợi thì sẽ không có lợi cho người xung quanh.

Đây là bài kinh hết sức sơ cơ đối với tất cả người tu Phật, nếu chúng ta không nhận đúng ở hai bề. Vương mắc ngũ dục là điều đáng chê trách, nhưng từ chối ngũ dục để gây đổ công phu cũng đáng chê trách. Đạo Phật hết sức trung dung, đòi hỏi chúng ta phải có trí tuệ thật sự mới có thể thoát ra, nếu không thì chúng ta không thể đi đến cùng con đường giác ngộ giải thoát như chư Phật, chư Tổ muốn.

***Luôn nhớ nghĩ ba y.*** Trong đạo Phật có ba y: Y tăng già lê gọi là đại y, Y uất đa la tăng là y thất điều, Y an đà hội là y ngũ điều. Khi một người thọ giới Tỳ kheo thì có đầy đủ ba y. Y ngũ điều là có những lần xuôi xuống năm mảng và ba lần cắt ngang, còn gọi là tạp tác y, dùng mặc làm lao tác, tạp dịch. Y thất điều dành khi hành lễ, tụng kinh, làm những lễ nghi bình thường. Đại y là để dùng lúc lên tòa thuyết Pháp.

Ngày xưa khi Đức Phật và chư Tăng vào hoàng cung thuyết Pháp là đắp đại y hoặc dùng vào những đại lễ. Những vị mới thọ giới Tỳ kheo trong những đại lễ các vị không dám đắp y cửu, vì y cửu dành cho các vị Đại đức hoặc Thượng tọa trở lên. Các vị Hòa thượng thường đắp y hai mươi lăm điều là những rãnh xuôi nhỏ hoặc một trăm hai mươi lăm điều thì những rãnh nhỏ hơn nữa. Còn đắp y thất điều là y hành lễ trên chánh điện, làm nghi lễ hoặc tụng niệm. Đắp y ngũ điều để làm lao tác những công việc lật vật trong chùa.

Người Phật tử mặc dù sống trong thế tục nhưng không nhiễm ngũ dục, tâm niệm luôn nghĩ tới ba y là được thoát tục. Theo hệ thống Nguyên thủy nếu chúng ta muốn thoát khỏi tam giới buộc phải xuất gia tu học, phải bỏ râu tóc, dẹp trừ

phiền não mới có thể chứng quả Thanh Văn là A La Hán. Còn cư sĩ tại gia có tu tập cũng chứng tới quả A Na Hàm thôi. Hình bóng tu sĩ thời Đức Phật hết sức cao đẹp, cư sĩ phải thấy đó là chỗ mình hướng đến, là phước điền cho người tu hành.

Trong kinh kể lại có lần Đức Phật đứng với ngài Xá Lợi Phất, ngài A Nan và một số đệ tử lớn nhìn xuống cánh đồng có những bờ ranh từng thửa vuông, nơi mặt đất đó người nông dân trồng lúa để nuôi thân mạng mình, nên Đức Phật lấy mẫu của ruộng đồng đó làm thành lá y của chư Tăng gọi là phước điền y. Vị xuất gia đắp y Như Lai, phải luôn tu tập để phước báo và trí tuệ của mình được tăng trưởng là ruộng phước để tất cả chúng sanh gieo trồng. Lá y trở thành huê mạng của người tu còn ruộng đất của nông dân chỉ nuôi sống thân mạng này.

Chư Phật ba đời cũng sử dụng y này. Y Như Lai hết sức quan trọng và thiêng liêng đối với vị thoát tục. Đắp y để thấy mình không còn vướng mắc trần gian, không vướng ngũ dục và không còn dính mắc trong tam giới này. Người đó rời thế tục “gọi là xuất thế tục gia”, cắt tình cảm thân thiết ở trần gian, không còn dính dấp tới cha mẹ, vợ con. Nếu còn xem cha mẹ mình đặc biệt hơn chúng sanh khác coi như chúng ta chưa hiểu thấu từ “cắt ái từ sở thân” theo nghĩa người xuất gia. Vì cha mẹ là bậc thiêng liêng nhưng chỉ là cha mẹ của đời này, còn tất cả chúng sanh khác là cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp của mình.

Người Phật tử thường nhớ ba y, nghĩ đến phạm hạnh cao vời của người xuất gia thoát tục, trong lòng chúng ta cũng từ bỏ dính mắc ái nhiễm. Mong mỗi ngày nào đó mình được đắp y của Như Lai lên thân của mình, mà tập cắt đứt những

vướng mắc của trần gian. Phải “xuất phiền não gia”, nếu trong đời này chúng ta chưa cắt hết phiền não thì chưa phải là người xuất gia đúng nghĩa của đạo Phật. “Xuất tam giới gia” là xuất cõi Dục giới, cõi trời Sắc giới và cõi trời Vô sắc giới để tâm chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, không vướng vào bất kỳ cái gì trong tam giới là ngày đó chúng ta xuất gia trọn vẹn đúng nghĩa trong Phật pháp.

Thường nghĩ tới ba y chúng ta mới xứng đáng là người Phật tử chân chánh theo Phật pháp. Dù ở thế tục chúng ta không nhiễm thói đời, ngũ dục không cuốn hút làm chủ mình, không quật ngã và không làm chúng ta đau khổ. Thời Đức Phật, ngài Duy Ma Cật mặc dù là cư sĩ tại gia, có gia đình nhưng Ngài là người thoát tục, đã giác ngộ đạo lý, không dính dấp tình cảm vợ chồng, hết phiền não, ngộ đạo và thoát khỏi tam giới. Đạo đức trí tuệ Ngài vượt thoát tam giới coi như Ngài đã sống đời phạm hạnh như người xuất gia. Thời đó khó có chư Tăng nào sánh nổi với Ngài. Tuy sống thế tục nhưng Ngài có trí xuất trần thì cũng có thể tu tập thoát trần gian này được.

Qua Trung Hoa có cư sĩ Bàn Long Uẩn cũng nổi tiếng trong giới tu Thiền. Những người tu tập có bài sám “Ứng như thiên định họ Bàn thuở xưa”, mong mình có thiên định như gia đình họ Bàn. Ông có kiến giải rất phù hợp với Thiền tông. Ông người huyện Hành Dương, Xung Châu, tự là Đạo Huyền, gia thế chuyên nghiệp Nho, đời sống rất thanh đạm, hiểu ngộ ít phần trần lao, quyết chí cầu giải thoát. Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785 T.L.), ông đến yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu, hỏi: Chẳng cùng muôn pháp làm bạn

là người gì? Thạch Đầu lấy tay bịt miệng ông. Ông bỗng nhiên tỉnh ngộ.

Ông đến tham vấn Mã Tổ, hỏi: Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì? Mã Tổ bảo: Đợi miệng ông hút hết nước Giang Tây, ta sẽ nói với ông. Ngay câu nói này, ông ngộ được huyền chỉ. Ông dừng ở chỗ Mã Tổ hai năm.

Sau khi đốn ngộ, ông về nhà lấy thuyền chở của cải đem đi xuống sông Tương. Ông chỉ cất một cái thớt nhỏ ở tu hành. Có người con gái tên Linh Chiếu thường theo hầu hạ, chuyên việc chẻ tre bện sáo bán nuôi cha. Một hôm, ngồi trong am, ông chợt nói:

“- Khó khó mùi tạ dầu mè trên cây vuốt.” (Nan nan thập thạch du ma thọ thượng than.)

Long bà đáp: “Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư.” (Dị dị bách thảo đầu thượng Tổ sư ý.)

Linh Chiếu tiếp: “Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ, đời đến thì ăn, mệt ngủ khò.” (Dã bất nan, dã bất dị, cơ lai khiết phạn khôn lai thù.)

Ông ngồi hỏi Linh Chiếu: Cổ nhân nói: "sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư" (minh minh bách thảo đầu, minh minh Tổ sư ý) là sao?

Linh Chiếu thưa: “Lớn lớn già già thốt ra lời nói ấy.” (Lão lão đại đại tác giá cá ngữ thoại.)

Ông hỏi: “Con thế nào?”

“-Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư.”

Ông bèn cười.

Sắp tịch, ông bảo Linh Chiếu ra xem mặt trời đúng Ngọ vô cho ông hay. Linh Chiếu ra xem vào thưa:

“-Mặt trời đã đứng ngọ, mà có nguyệt thực.”

Ông ra cửa xem. Linh Chiêu lên tòa của ông ngồi kiết già chấp tay thị tịch. Ông vào xem thấy cười, nói:

“-Con gái ta lanh lợi quá!”

Ông bèn chậm lại bảy ngày sau. Châu mục Vu Công đến thăm bệnh ông. Ông bảo:

“-Chỉ mong các cái có đều không, dè dặt các cái không đều thật, khéo ở thế gian đều như bóng vang.”

Nói xong, ông nằm gác đầu trên gối Vu Công mà thị tịch.

Tin ông tịch đưa về nhà cho bà hay. Bà nói:

“-Con gái ngu si với ông già vô tri, không báo tin mà đi, sao đành vậy?”

Bà ra báo tin cho con trai đang làm ngoài đồng. Bà nói:

“-Long công với Linh Chiêu đi rồi con!”

Người con trai đang bừa đáp: “Dạ!” Rồi lặng thinh giây lâu bèn đứng mà tịch.

Bà nói: “Thằng này sao ngu si lắm vậy!” Lo thiêu con xong, bà đi từ biệt thân thuộc rồi biệt tịch.

Ở Việt Nam, vua Trần Nhân Tông là vị Tổ của hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, Thầy của vua là Tuệ Trung Thượng sĩ ngộ đạo rất sâu và kiến giải rất sâu sắc từ văn chương, chữ nghĩa, câu cú, đối thoại của Ngài không ai có thể so sánh được. Ngài tên Tuệ Trung được người đời xưng tôn là Thượng sĩ nghĩa là cái học trên tất cả cái học. Ngài là cư sĩ ngộ đạo tự tại mà trong lịch sử Phật giáo Việt Nam chưa từng có, Ngài đủ sức so sánh với tất cả các vị đại Thiên sư lớn của thế giới.



Thượng sĩ có bảy bà vợ, là đại quan trong triều nhà Trần. Ngài đóng góp tích cực trong chiến tranh ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông. Sau đó Ngài ẩn cư tu tập, người lại học đạo trong đó có Tăng và tục. Người xưa thấy đạo lý là quan trọng hơn hình thức tu sĩ, mặc dù là cư sĩ nhưng Ngài có đạo lý cao tột. Vua Trần Nhân Tông được Thượng sĩ dạy dỗ đạo lý đến ngày được thành Tổ.

Một hôm, vua Trần Nhân Tông xin hỏi Ngài về “bổn phận tông chi”, Thượng sĩ đáp: “Soi sáng lại chính mình là phận sự gốc, chẳng từ nơi khác mà được.” (Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc.) Nghe xong, vua thông suốt được đường vào, bèn vén áo thờ Ngài làm Thầy. Người tu việc chính của mình là gì? Quay lại chính mình là phận sự gốc không thể tìm cầu bên ngoài mà được. Đó là câu nói rất nổi tiếng trong nhà Thiền. Trong việc dạy dỗ tu sĩ cũng như cư sĩ, ngay cả vua quan thời nhà Trần, Thượng sĩ là người thể hiện đạo lý sáng rực.

Bài Ngâm Phóng Cuồng của Ngài có câu: *“Trời đất liếc trong chừ sao thênh thang. Chổng gậy chơi rong chừ phương ngoại phương.”* Khi trời trong không có một cụm mây, nếu có mây trắng mây đen, mây xanh thì trời không trong được. Trong cõi tâm chúng ta, nếu không còn một gợn mây tình thì mênh mông như hư không. Chúng ta còn thấy cuộc hẹp, nhỏ, khuôn sáo ở một điểm. Khi chúng ta dứt hết mây tình thì tâm đồng với hư không, mênh mông trùm khắp pháp giới. Đó là câu diễn tả người đã ngộ Thiền và hòa nhập trong pháp giới tánh. Lúc đó là chổng gậy chơi rong chừ phương ngoại phương, du hý thần thông, dạo chơi, Ngài ra

khỏi mùi phương pháp giới nhưng khi trở về cuộc sống thường tình thì Thượng sĩ rất siêu xuất có kiến giải rất sâu.

“*Khi mê tạo nào thua nào nhất. Khi ngộ bật từng ly từng mảy*”, là câu nói của người hết sức chuyên môn. Khi mê chạm tới là dính, cũng phiền não, cũng ghét, hoặc quay về quá khứ, hoặc hướng vọng tương lai, tâm thức quay cuồng luẩn quẩn để chúng ta vướng mắc hoài. Đến khi giác ngộ đạo lý thì từng cái nhỏ nhiệm trong tâm thức xảy ra cũng tự động tắt mất, không cần dụng công, tự tan biến trong chân trời Tự tánh.

Ngài đã hể hiện sức sống của mình với thời đại đó, lúc làm quan cũng như lui về ở ẩn Ngài có câu rất tuyệt diệu: «*Sâu thì vén áo chừ cạn thì nhón gót. Dùm thì phô ra bỏ thì ẩn tàng.*» Rất khó có người tu học nào sống được như vậy. Nếu suôi cạn chỉ cần nhón gót đi qua, sâu một chút thì vén áo việc gì phải xăn quần tới đầu gối. Giữa cuộc sống này Ngài sống rất an nhiên tự tại, không có sự chuẩn bị trước, luôn khế ứng với bất kỳ duyên cảnh nào. Thậm chí khi đến pháp hội tự động có bài Pháp. Cuộc sống của Thượng sĩ luôn linh động và khế ứng từng điều nhỏ, không bao giờ bị lỗi nhịp. Đây là người trí tuệ tuyệt vời luôn linh thông, bất kỳ điều gì cũng khế ứng, bất kỳ điều kiện nào cũng sống tự tại và giải thoát được.

«*Dùm thì phô ra bỏ thì ẩn tàng.*» Trong lúc triều đình cần, Ngài sẵn sàng ra làm quan giúp nước giúp dân, khi qua chiến tranh, xã hội không dùng nữa thì Ngài trở về ẩn tu. Ngài không mang hơi hướm của vị quan, sống cách ly thiên hạ, Ngài sống y như người dân quê, cuộc đất trồng khoai nhưng có điều đặc biệt là đạo lý hết sức tự tại.

Trong Ngữ Lục Tuệ Trung Thượng sĩ. Có người hỏi: Tọa thiền nhập định thì thế nào? Ngài đáp: «*Vua hạ gọng xe*

đánh nhái bầu. » Vừa hài hước vừa sâu sắc mà người tu Thiền kha khá mới nhận ra. Vua thì được khiêng trên bệ rồng, mặc áo cân đai, chân mang hài vàng mà tuột xuống ruộng đánh lộn với nhái bầu, đó là vua điên. Có nghĩa, chúng ta tu thì thể hiện Tự tánh minh mông trùm khắp pháp giới, tâm tự tại, nơi nơi chốn chốn đều là đạo lý. Bây giờ còn ngồi đó hơn thua với phiền não nhỏ nhiệm, những tham sân si, những buồn giận trong tâm thì còn thua vua điên kia. Điều đó với Ngài không cần thiết, mà hòa nhập và sống trong pháp giới tánh thì tất cả phiền não đều tan biến thành Tự tánh, không cần dụng công. Người nào còn dụng công hơn thua với phiền não, với tham sân si chứng tỏ người đó chưa nhận được Tự tánh.

Cư sĩ trong các thời đại từng tu tập và từng đạt được giác ngộ giải thoát. Ngày này chúng ta cũng yên tu trong khóa tu Phật thất, sống đời phạm hạnh thanh tịnh đúng nghĩa với người xuất gia, rõ ràng chúng ta có căn lành rất lớn và nhận thức Phật pháp rất sâu.

**Bình bát và pháp khí.** Ngày xưa bất kỳ người xuất gia nào cũng có đầy đủ mười tám vật dụng như ba y, bình bát, lọc nước, kim chỉ, tăm xỉa răng v.v. Bình bát được dịch là ứng lượng khí, vừa xứng hợp với lượng Đức Phật chế ra, dùng đựng cơm khát thực hằng ngày để nuôi lớn giới thân huệ mạng.

**Chí nguyện xuất gia.** Tất cả Phật tử tu Phật thất chúng ta gìn giữ đạo trong sạch thanh tịnh, trong lòng luôn nghĩ tới đời sống người xuất gia phạm hạnh, luôn nghĩ tới tu hành để thoát khỏi thế tục, gìn giữ đạo lý luôn trong sáng. Khi trở lại đời sống thường tình thì phải làm ăn, buôn bán, làm việc để có kinh tế gia đình cho mình nhưng lúc chung đụng với xã

hội, chúng ta vẫn giữ được đạo lý trong sáng thì đây là điều hơi khó, rõ ràng là sự thách thức đối với chúng ta.

***Thủ đạo thanh bạch, giữ phạm hạnh cao vời.*** Dù tại gia hay xuất gia người đó luôn sống trong đạo lý, tất cả những cư xử qua lại với nhau cũng lấy đạo lý ra để cư xử. Có câu chuyện của bà Phật tử gần chùa. Bà có cô con gái gả chồng, sau đó cô bị gia đình bên chồng hắt hủi nên về nhà ở với mẹ bà mẹ giận cô nên hai mẹ con ăn cơm riêng. Lần đó bà tới chùa gặp chúng tôi khóc: Danh dự gia đình con như vậy mà nó về bên đó sống không chịu nhịn nhục, người ta ăn hiếp nó cự cãi, vợ chồng ly tán nó về nhà sống con thấy nhục nhã với xã hội, Thầy có cách nào hướng dẫn con qua việc này?

Tôi nói: Cô là Phật tử thì tất cả những xử lý của chúng ta nên đem đạo lý ra mà xử. Đã làm mẹ thì phải là chỗ nương cho con cái trong gia đình. Mỗi khi con bị thất thế sa cơ, bị xã hội đập bỏ, bị đau khổ thì nó phải được ngã vào lòng mẹ nó khóc như thế mới là bà mẹ tốt. Bà mẹ mà khi con cái của mình làm ăn thất bại, khi trở về nó không được ngã vào lòng mẹ để nó tâm sự, lại được bà mẹ xô ra nữa thì chỗ nào cho nó nương giữa đời này, nên nó phiền cô là đúng không sai. Cho nên làm sao cô về thể hiện đạo lý để cho nó có thể tâm sự với cô tất cả những uẩn khúc khi nó về gia đình chồng, nó sẽ nói được cái mà nó không chịu nổi để phải rời gia đình chồng, và cô phải là người xoa dịu được nỗi đau đó cho nó. Nếu cô giỏi hơn nữa thì mỗi tuần nó phải chở cô tới chùa như thế cô mới là người Phật tử đúng. Nếu cô tiếp tục để cho mẹ con ăn cơm riêng thì đó là điều quá tệ vốn đang đau khổ vì chuyện tình cảm chồng rồi, bây giờ về giữa tình cảm mẹ con không khăn khít thì có ngày nó sẽ tự vận và cô sẽ mất luôn đứa con, đó là điều cô

phải biết để xử lý. Bà cụ này cũng hay, một tuần lễ sau hai mẹ con dắt nhau lên chùa.

Đạo lý không chê bỏ, không ruồng rẫy bất kỳ ai, dù người đó lỗi lầm lớn ở xã hội này. Ví dụ, nghe tin tên ăn cướp bị bắt, rồi bị tử hình là trong bụng chúng ta mừng rồi. Rõ ràng hồi còn sống gia đình mình cũng bị nó đe dọa, thậm chí mình cũng bị nó giết hết một số tiền, bây giờ nó bị bắt mình mừng lắm vì xã hội chòm xóm được yên ổn, bản thân mình ăn ngon ngủ yên. Nhưng có cái sai là đạo lý trong lòng chúng ta vẫn còn phiền hận, thù oán, người ta gặp nạn mình còn nói cho đáng, chọc tới tôi là chết.

Trong tam còn hiềm thù người khác thì chúng ta không giữ đạo trong sạch thì phạm hạnh không thể có ra. Người có đầy đủ đạo đức, giới đức, đức hạnh, trí tuệ tròn đầy mới gọi là phạm hạnh trong Phật pháp. Nghe tên ăn cướp bị giết trong lòng mình vui là tùy hỷ sát thì giới đức không trọn vẹn, giới sát sanh chúng ta không giữ tròn. Trong lòng chúng ta còn bị nhiễm, phiền hận, chướng chứa phiền não, cấu bẩn thì không thể giữ đạo hạnh trong sạch. Muốn giữ đạo hạnh trong sạch tâm chúng ta phải trắng như pha lê, không hề vướng vào tài, sắc, danh, thực, thù; không dính ở sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và không tất cả những phiền não. Đó là phạm hạnh cao vời.

Chúng ta sống vẫn làm ăn kiếm tiền nhưng không thấy mình có khả năng hơn người khác, không gạt người ta, không qua mặt người ta để mình được sung sướng hơn. Phải làm công tâm và bằng mồ hôi nước mắt, bằng sức lực trí tuệ của mình. Không vì lợi mình mà tổn thương người khác, không phải vì tiền bạc mà làm khổ người khác, hơn thua người khác,

không phải vì danh lợi mà làm người khác phải bị gục ngã dưới bàn chân của mình.

Khi chúng ta leo lên một bước là đã đạp người khác xuống, đó là việc thường của xã hội. Chúng ta là Phật tử không làm như vậy, chúng ta phải giữ đạo lý thật sự trong sạch trong tất cả cư xử với gia đình, với huynh đệ, với xã hội, với Phật pháp. Trong tâm chúng ta không phạm lỗi lầm, giới pháp Đức Phật không phạm, cư xử với huynh đệ, với bạn bè, với bạn đạo không có cái gì để chúng ta có thể ân hận về sau thì cuộc sống chúng ta hết sức thanh bình.

Đạo lý trong sáng thì tâm chúng ta không vướng bận điều gì và phạm hạnh có. Đời sống phạm hạnh thực sự là giới pháp trang nghiêm, đức hạnh và trí tuệ tròn đầy. Đến với người đó chúng ta có thể học được nhiều mặt, từ đạo lý cho đến cư xử hành xử. Họ là tấm gương sáng cho cuộc đời noi theo. Một người biết nói và có thể giảng thuyết hay nhưng cuộc sống của họ không có gì để người khác học thì người đó chưa có đạo.

Có những vị tu sĩ xuất gia không nói lời nào, nhưng cư sĩ hết sức cung kính vì giới đức họ hết sức trang nghiêm, cuộc sống thuần khiết khiến những bậc tu hành xuất gia gặp họ cũng phải nể phục, đó là người sống trong phạm hạnh. Có những vị không giảng thuyết, không viết kinh, không nổi tiếng, không lừng danh nhưng họ là người có mắt, tự động chúng ta quỳ chân xuống để được lạ.

Có những vị ngộ đạo rất sâu, nhưng không có duyên giáo hóa, họ ẩn dật tu hành, không bao giờ có lỗi lầm nhỏ nhiệm ở thân, khẩu, ý. Họ sống trọn vẹn trong Phật pháp, tâm không bao giờ bị rỉ chảy, không rơi vào khổ đau phiền não,

không bị danh lợi khuấy nhiễu. Dù họ gặp hoàn cảnh được, mất, có danh dự, không danh dự, tâm họ vẫn giữ sự bình lặng trong sáng đó là người phạm hạnh cao vời.

***Có lòng từ bi rộng khắp.*** Chúng ta thương yêu đem an vui đến cho tất cả mọi người và làm cho người khác hết khổ, đó là đạo từ bi trong nhà Phật. Ví dụ con cái của mình, hoặc huynh đệ, bạn đạo gặp chuyện khổ đau phiền não, gặp mình họ vui phiền não, được niềm vui là chúng ta đang thể hiện từ bi giữa cuộc sống này.

Nếu bản ngã chưa tan biến thì từ bi không thể rộng khắp, chúng ta tập quán, mỗi thời ngồi thiền tụng Phật: “Xin cho con được thương yêu tất cả mọi người, người thân của con, người không thân, người thù của con, người con chưa quen biết và tất cả chúng sanh muôn loài”. Đó chỉ là quán chưa phải là từ bi, chúng ta chỉ khởi tưởng để thương thôi. Từ bi đúng nghĩa đạo Phật là mình có sự xúc động và thông cảm tuyệt đối với tất cả mọi người, mọi loài.

Đạo lý từ bi không thể định nghĩa, không có lời, không có văn chương ngữ cú nào có thể định nghĩa hết được nghĩa từ bi trong đạo Phật. Trong giới luật, Đức Phật nhìn trong bát nước có tám vạn bốn ngàn vi trùng, vị Tăng nào uống nước mà không có trì chú để nó siêu sanh, thì người đó không phải là người tu theo đạo Phật. Vì nếu không trì chú thì như ăn thịt chúng sanh là người đó đã phạm giới sát. Hoặc trong giới Sa di, ban đêm đốt đèn phải lấy chụp lưới đặt lại, không để những con thiêu thân vô tình bay vô chết. Những loài ngạ quỷ thấy nước tự động cổ họ bị cháy, hoặc nước trở thành pha lê uống không được họ sẽ đau khổ nên Đức Phật dạy chúng ta ban đêm có chum nước phải lấy gì đặt lại.

Đức Phật dạy trong kinh Đại Bát Niết Bàn: Nếu chư Tăng nào đệ tử của Ta ăn cơm mà không xuất sanh thì người đó không xứng đáng là đệ tử Tỳ kheo của Ta. Vì khi Đức Phật quy y cho quý Khoán Dã nó đã phát nguyện là không còn ăn thịt người nữa, do vậy mỗi bữa cơm chư Tăng dùng phải xuất sanh cho loài quý đỏi cô hồn và những người khuất mặt khuất mày ăn. Mặc dù chư Tăng không thấy những loài đó nhưng phải làm theo đúng điều Đức Phật dạy.

Ngày xưa quý thầy đắp y bằng vải bố, trong luật nửa tháng mới được tắm một lần nên mồ hôi ra nhiều sanh rận, quý thầy không được bắt để giết. Đức Phật dạy là bắt những con rận đó bỏ vào ống tre, mỗi ngày cạo mồ hôi của mình cho nó ăn, rồi lấy gòn đậy ở trên cho gió thổi nó không lạnh. Từ bi của đạo Phật là sự thông cảm tuyệt đối với tất cả những đau khổ, buồn thương của những côn trùng, những loài nhỏ nhít, của tất cả chúng sanh muôn loài trong khắp pháp giới này.

Đây là điều hết sức khó đối với chúng ta. Muốn đạt được hoặc hiểu đạo từ bi phải có lần chúng ta tan biến ngã chấp. Trong kinh Đại Phật Báo Ân kể: Đức Phật thời còn chưa hành hạnh Bồ Tát, nhiều đời nhiều kiếp về trước có lần Ngài phạm tội bị đọa xuống địa ngục hỏa ngục. Trong đó mọi người đều phải kéo một chiếc xe đầy lửa, trên xe có một con quý Ngục tốt rất hung tợn, nó thở hơi ra lửa, khà miệng cũng ra lửa làm cho tội nhân luôn luôn bị bốc cháy. Lúc đó, Đức Phật còn khỏe, Ngài kéo xe đi được, nhưng bên cạnh Ngài có những người già yếu kéo không nổi, bị con quý đánh bằng chia ba đâm vô ngục, đâm lên vai cho chảy máu đầm đìa. Thấy cảnh đau khổ của chúng sanh Ngài liền phát đại nguyện: Nguyện cho tất cả đau khổ của tất cả chúng sanh hãy dòn hết



cho tôi. Ngài nói lớn khiến quỷ Ngục tốt giận lên đánh Ngài chết, ngay đó Ngài thoát khỏi hỏa ngục được sanh lên cõi trời.

Ngài khởi đại nguyện thay thế đau khổ cho tất cả chúng sanh, do phước báo vô cùng lớn nên thoát khỏi đọa đày trong địa ngục. Từ đó về sau Ngài trở thành vị Bồ Tát, gìn giữ được tâm bồ đề của mình suốt cho tới ngày được thành Phật. Luôn luôn trong tiền thân Đức Phật lấy thân mình giúp các loài chúng sanh khác.

Người phát Bồ đề tâm nguyện cứu khổ và ban vui cho tất cả chúng sanh theo đạo lý từ bi đạo Phật. Sẵn sàng thay thế đau khổ, nhín ăn bớt mặc để có thể cứu giúp người khác. Tất cả chúng sanh muôn loài khi cần đến mình là mình sẵn sàng hy sinh cuộc sống riêng tư của mình, hy sinh quyền lợi, hy sinh cả thân xác, hy sinh nhiều thân mạng cho tới khi thành Phật.

Chúng ta phải tập làm từ nhỏ tới lớn, ngày nào giúp an vui cho người khác một lần thì ngày đó chúng ta mừng, thấy mình bắt đầu thể hiện được từ bi giữa cuộc sống này, chứ không phải chúng ta ngồi để quán. Hoặc thấy huynh đệ mình, những người gần mình có đau khổ phiền muộn là chúng ta phải giúp cho họ giải tỏa đau khổ phiền muộn, như vậy chúng ta đang thể hiện từ bi. Dần dần lúc nào trong lòng chúng ta cũng nghĩ tới chuyện đem đến nguồn vui, dùng tất cả phương tiện để giải quyết khổ đau cho người khác. Cả cuộc sống còn lại của mình chỉ chuyên làm việc đó là đã thể hiện từ bi.

Khổ lớn nhất của đời này là khổ sanh tử, đến lúc nào đó chúng ta giải quyết được khổ sanh tử cho chúng sanh thì lúc đó từ bi chúng ta mới trọn vẹn. Chúng ta nguyện tu tập đến lúc mình không còn khổ, được an vui trong cảnh giới Niết

bàn, rồi đem tất cả những kinh nghiệm đó ban phát cho tất cả mọi người. Tất cả chúng sanh khi gặp mình là mình có đủ đạo lý giúp họ chứng đắc an vui trong cảnh giới Niết bàn, lúc đó mới đủ từ bi của đạo Phật, còn chưa có những điều đó thì chưa đủ.

Phải nguyện làm cho tất cả chúng sanh được an vui trong cảnh giới Vô thượng Niết bàn, không còn mầm mống khổ đau nào nữa, lúc đó chúng ta đã đi đúng đường với chư Phật, thực hiện đúng lời Đức Phật dạy mới xứng đáng là người Phật tử cũng như một tu sĩ theo đạo Phật.

### **8. Điều giác ngộ thứ tám:**

#### **VĂN KINH**

**Đệ bát giác chi: Sanh tử xí nhiên, khổ não vô lượng, phát Đại thừa tâm, phổ tế nhất thiết, nguyện đại chúng sanh, thọ vô lượng khổ, linh chư chúng sanh, tất cánh đại lạc.**

#### **DỊCH**

*Điều giác ngộ thứ tám: Sanh tử luôn thiêu đốt, khổ não thật vô cùng, nên phát tâm đại thừa, độ hết tất cả chúng sanh, nguyện thay chúng sanh chịu khổ vô lượng, khiến cho tất cả các loài đều được đại an lạc.*

#### **GIẢNG**

*Sanh tử luôn thiêu đốt, khổ não thật vô cùng.* Từ phẩm thứ nhất Đức Phật nói: Thế gian vô thường, cõi nước mong manh, thân tứ đại là khổ không, năm ấm vô ngã, sanh diệt đời luân, hư dối vô chủ, tâm là nguồn ác, hình là rừng tội, như đây mà quán sát, lần lần thoát sanh tử. Đức Phật cũng

nói ngũ dục là khổ, không vui để chúng ta thoát ra. Người nào quán sát được cõi này vô thường, thân vô thường, tâm vô thường, đồng thời thấy được ngũ dục là khổ đau thì người đó sẽ thoát ly sanh tử.

Đức Phật nói tam giới không yên ổn giống như lò lửa. Chúng ta còn ở trong cõi này, còn tiếp tục trong vòng sanh tử thì chúng ta luôn bị sanh tử thiêu đốt khổ não, vô cùng vô tận không thể diễn tả được. Từ lúc chúng ta được sanh ra giữa cõi đời cho tới giờ phút này, đã từng vật lộn với nó, cũng dùng đủ mọi cách thoát ra nhưng vẫn còn dằn trải khổ đau. Ngày nào chúng ta chưa có lần giác ngộ chân lý thì khổ đau vẫn còn liên tục tiếp nối.

Hoàn cảnh đến không vừa ý khiến chúng ta khó chịu khổ đau, rồi những người thân nhất trong gia đình ngay cả vợ chồng, mẹ con, cha con, anh em, bạn bè, con người với con người cũng đã từng làm khổ nhau rất nhiều. Cho nên Đức Phật nói khổ não thật vô cùng.

Gần như tất cả mọi thứ đều đến với chúng ta trong bất như ý, mở mắt ra là tính đến chuyện không vừa lòng, nghe những tiếng không vừa ý, tiếp xúc những hoàn cảnh, sự việc không thuận theo ý mình. Khởi muốn cái gì mà không thực hiện được thì cả ngày đó chúng ta ngồi không yên, tức là lửa dục bắt đầu đốt cháy thân xác chúng ta.

Nếu chúng ta không có công phu tu hành tốt, không dập tắt được dục thì lửa đó đốt cháy chúng ta cả ngày lẫn đêm, cho tới ngày chúng ta đạt được tham tâm. Nhưng vừa thỏa mãn ham muốn này thì liền có ham muốn khác, vừa thỏa mãn ham muốn khác liền có ham muốn khác xảy ra. Gần như cả

đòi chúng ta lừa dối luôn bốc cháy, không ngày nào yên nên Đức Phật cho rằng chúng ta đang khổ.

Chúng ta chưa học Phật nghĩ rằng đạt được mong muốn đó mình sẽ được vui sướng hạnh phúc. Riêng bậc giác ngộ nghĩ khác, trên đời này hoàn toàn không có gì là hạnh phúc. Trong kinh Đức Phật ví dụ người thỏa mãn dục vọng giống như khát nước mà uống nước muối, càng uống càng khát. Vì vậy, khát khao và bức bách luôn xảy ra trong lòng chúng ta, nó nung nấu khiến chúng ta phải khổ đau không có ngày dừng.

Lục căn chúng ta luôn đòi hỏi khát khao thỏa mãn dục lòng, mắt muốn thấy cái gì đó vừa lòng vừa ý mình, tai nghe tiếng thì muốn nghe âm thanh khen tặng, chịu chuộng, nịnh bợ mới thấy dễ chịu còn nói không êm tai một chút là khó chịu rồi.

Nếu một lần chúng ta tắt đi những ham muốn thì điều kỳ diệu xảy ra, chúng ta sẽ có sự an lạc rất kỳ lạ là đạt được Sơ thiên Ly sanh hỷ lạc trong Phật pháp. Có nghĩa chúng ta lìa hết những tham tâm, sân hận thì phát sanh hỷ lạc rất vi diệu mà chưa hạnh phúc nào giữa trần gian có thể so sánh được. An vui đó thuộc về tầng cao, bước lên tầng khác của cõi người đó là cõi trời. Cả trần gian này đổi một phút đó đổi cũng không được. Người đó nếm được hương vị Phật pháp, tự động trở thành mãnh lực để chúng ta càng lúc càng thâm nhập sâu hơn trong Phật pháp khó mà lui sụt trở lại.

Còn chúng ta tu lâu năm lâu tháng mà việc này chưa một lần xảy ra với mình thì việc tu học của chúng ta còn bấp bênh, dễ bị lui sụt. Bởi vì đi theo đạo Phật chúng ta chỉ ăn chay, nhịn những món ăn ngon ngoài đời, đôi lúc cũng từ giả

những thú vui. Nhưng gần như tất cả mọi cái đều là sự kìm nén ham muốn nên mình vẫn còn nguyên đó, nếu không được cái gì trong Phật pháp, dần hồi nó sẽ làm chúng ta chùn tâm.

Rõ ràng mọi cái còn nằm ngoài tầm tay mình. Người học Phật phải tu đến cảnh giới an lạc thật sự như trong kinh điển mà Phật Tổ muốn dạy mới đảm bảo có được cuộc sống an lạc hạnh phúc, đảm bảo cho việc thăng hoa trong sanh tử sắp tới. Đừng nghĩ chúng ta sẽ được cái gì sau khi chết. Điều đó rất khó bởi vì cảnh giới đó chúng ta hoàn toàn chưa có tại đây, chưa gieo nhân đó thì quả đến còn xa xôi với mình. Do đó, những an lạc, hạnh phúc xuất hiện trong lúc chúng ta công phu là dấu hiệu biết rằng sau đời này chúng ta được thăng hoa, hay vẫn còn luẩn quẩn trong cõi này chưa thoát được, chúng ta tự kiểm soát lại mình.

Khi chúng ta ý thức được sanh tử là khổ thì sự mong muốn thoát ra sẽ mãnh liệt, còn chưa ý thức được sanh tử là khổ thì tâm thoát ly sẽ không mạnh. Như người chưa ý thức được hút thuốc lá nguy hiểm cho sức khỏe thì khó bỏ, nhưng một phen họ tự nghiệm thấy rõ ràng hút thuốc không có lợi cho sức khỏe thì bỏ thuốc dễ dàng. Tự động chúng ta có mãnh lực khi chúng ta hiểu biết đúng. Những khổ đau không chỉ trong đời này, chúng ta chưa thoát ra được thì đời đời kiếp kiếp còn bị nó quẩn.

***Nên phát tâm đại thừa, độ hết thấy chúng sanh.*** Đây là hai lãnh vực khác nhau trong hai tư tưởng, một tư tưởng là chính bản thân mình ý thức được khổ đau trong sanh tử tiếp nối không có ngày dừng lại, cho nên tinh tấn tu hành để thoát ra, nhưng bước qua cảnh giới thứ hai của Đại thừa mới chính là chỗ Đức Phật muốn nói. Đức Phật muốn cho tất cả những

người theo Ngài, dù là người xuất gia hay cư sĩ tại gia, đều phải phát Đại thừa tâm cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi sanh tử luân hồi, không chỉ cầu cho riêng bản thân mình.

Khi phát tâm Đại thừa là tâm cầu thành Phật. Từ giờ phút đó mảnh đất tâm chúng ta mặc dù chưa thành Phật nhưng giống Phật đã được gieo. Khi đã gieo được mầm mống Phật rồi thì việc phải thương yêu và cứu giúp tất cả chúng sanh muôn loài phải xảy ra. Chính tâm nguyện đó sẽ làm nền tảng cho chúng ta đi hoải trong sanh tử luân hồi, cứu độ chúng sanh không có phút giây nào chần mõi.

Đây là điều rất khó, không phải đơn giản, ví dụ chúng ta phát tâm bố thí, phát nguyện trong đời này con có bao nhiêu tiền bạc đều bố thí cho tất cả mọi người. Nếu tất cả những nơi chúng ta tới giúp người ta biết cảm ơn mình, coi trọng mình, quý mến mình thì bố thí về chúng ta cảm thấy vui. Còn cho mà người ta không coi mình ra gì thì lúc đó cảm thấy khó khăn rồi. Đòi hỏi nguyện lực ban đầu chúng ta phải đủ dũng mãnh chứ yếu kém không thể được.

Trong kinh có mẩu chuyện ngài Xá Lợi Phất đệ tử Đức Phật. Tiền thân Ngài đã xuất gia là đệ tử Đức Phật, nguyện tu hạnh Bồ Tát sẵn sàng hy sanh hạnh phúc, thậm chí hy sanh cả thân mạng, đầu, mắt, tủy, não của mình cho tất cả chúng sanh khi chúng sanh cần. Vừa phát đại nguyện đó xong, trời Đế Thích xuống thử Ngài. Trên đường Ngài đi khát thực, trời Đế Thích hiện thân xuống rồi ngồi giữa đường khóc, Ngài hỏi: “Này anh bạn có chuyện gì mà anh khóc thảm thiết như thế? Tôi có thể giúp gì cho anh?” Anh kia nói: “Thôi anh hãy đi chỗ khác để cho tôi yên”. Tiền thân ngài Xá Lợi Phất nói: “Tôi là đệ tử xuất gia của Đức Phật, tôi đã phát nguyện hành hạnh

Bồ Tát để giúp chúng sanh rồi, nếu như thấy một chúng sanh khổ não mà tôi bỏ đi là không đúng với hạnh Bồ Tát nên anh có gì cần giúp nói tôi giúp cho”.

Anh đó khóc lớn lên nói: “Mẹ tôi ở nhà đau rất nặng, thầy thuốc bảo rằng phải lấy con mắt của người còn sống, mà người đó phải xuất gia tu hành mới có thể cứu sống mẹ tôi. Con mắt người sống bình thường đã hiếm rồi, huống chi con mắt của người xuất gia tu hành mà chúng quả nữa thì càng khó hơn. Tôi nghĩ điều này không thể xảy ra được, nên tôi buồn khóc”.

Tiền thân ngài Xá Lợi Phất nói: “Không sao đâu, tôi đã phát tâm hành hạnh Bồ Tát, sẵn sàng hy sinh thân mạng mình cho chúng sanh huống chi là con mắt. Bây giờ anh có thể móc con mắt tôi để đi về làm thuốc cho mẹ anh uống”.

Anh kia nói: “Thôi, nếu móc mắt anh thì tôi bị phạm luật, nếu anh có thương mẹ tôi thương tôi thì anh móc mắt đi”.

Tiền thân ngài Xá Lợi Phất liền móc con mắt bên trái ra đưa cho anh kia, thì anh kia nói:

- “Không phải! Mẹ tôi bệnh thầy thuốc dặn là cần con mắt bên phải, chứ không cần con mắt bên trái”.

Lúc đó tiền thân ngài Xá Lợi Phất mới giật mình, hồi nãy mình không chịu hỏi trước, lỡ móc con mắt bên trái rồi bây giờ đòi con mắt bên phải nữa thì mù luôn. Nghĩ một hồi Ngài nói thôi mình đã phát tâm Bồ Tát rồi thì dứt khoát phải làm, cho nên Ngài móc luôn con mắt bên phải cho. Anh kia cầm con mắt kê vô lỗ mũi người xong ném xuống đất, lấy chân chà lên nói:

- “Ông tu hành gì mà con mắt tanh rình làm sao làm thuốc cho mẹ tôi”.

Tiền thân ngài Xá Lợi Phất nói: “Khi đã phát tâm cứu độ người ta, bây giờ đã móc mắt mình cho người ta lại còn chê bai chửi mắng nữa, thôi nghỉ không phát tâm Bồ Tát nữa”. Ngang Ngài đó thôi chuyển luân.

Bình thường thì không có chuyện gì xảy ra nhưng khi chúng ta phát tâm phát nguyện mới bắt đầu có chuyện, có người tới thử mình. Chúng ta học lớp một thì sẽ có những bài thi của lớp một, học đại học sẽ có những bài thi của đại học, học tiến sĩ thì sẽ có những bài thi của tiến sĩ. Có nghĩa, tâm chúng ta phát tới tầng nào sẽ có người thử ngang tầng đó. Hồi chúng ta mới tu thấy chuyện rắc rối tới với mình cũng xoàng thôi, tu lâu rắc rối càng dữ dội và càng tu chừng nào chuyện rắc rối tới càng khủng khiếp chừng đó, mạng sống chúng ta gần như một mất một còn.

Đức Phật khuyên chúng ta phát Đại thừa tâm cho tới khi nào không còn có một chúng sanh khổ đau trong cõi giới mười phương này nữa, lúc đó chúng ta mới được quyền yên ở Niết bàn. Bồ Tát Địa Tạng nguyện: “*Địa ngục vị không thê bất thành Phật*”, tức là cõi địa ngục chưa hết chúng sanh đau khổ Ngài thê không thành Phật. Ngài A Nan sau khi ngộ được Phật tánh phát nguyện: “*Ngũ trược ác thế tiên nhập*”, trong cõi ngũ trược ác thế ngài A Nan thê là người đầu tiên thê nhập trong đó, chứ Ngài không đi ra. Nếu còn một chúng sanh đau khổ thì Ngài không an trú trong Niết bàn.

Đó là đại nguyện của những đại đệ tử Đức Phật, đủ tâm thương yêu tất cả mọi người mọi loài, phát khởi Đại thừa tâm ngay phút chốc đó, tiếp tục dẫn thân vào dòng sanh tử luân hồi, không phải vì nghiệp nữa mà lúc này trở lại vì nguyện.



Có những bản kinh nói các vị Bồ Tát khi công phu, thay vì dứt sạch những lậu nghiệp sanh tử trong tam giới, các vị không giải quyết hết mà chừa một chút, không có chút lậu nghiệp đó thì không trở lại cõi này được. Còn một chút hoặc nghiệp thì các Ngài mới sanh trở lại cõi này. Đây là chuyện rất khó làm.

Sau nhiều đời nhiều kiếp cực khổ công phu, đời này chỉ còn một phút giây nhỏ thôi là thoát ra, nhưng vì lòng từ không thể bỏ chúng sanh ra đi cho nên các Ngài giữ lại. Tâm từ của chư Phật và chư vị Bồ Tát không có ngôn từ nào diễn tả ca tụng nổi các vị thương chúng sanh chừng nào. Ngày nào đó chúng ta có trí tuệ, hiểu được một chút công hạnh chư Phật và chư vị Bồ Tát, lúc đó chúng ta hết sức thương và kính trọng các Ngài. Gần như kể từ lúc chư vị Bồ Tát phát tâm Đại thừa, trong lòng các Ngài không có một ý niệm nhỏ nào bỏ sót chúng sanh. Đây là điều chúng ta phải biết.

Các Ngài không phải tinh tấn diệt trừ phiền não mà từng sát na nhỏ các Ngài luôn nghĩ tưởng thương yêu chúng sanh, tìm đủ mọi phương tiện giúp đỡ chúng sanh. Điều này rất khó tin trong giai đoạn chúng ta đang công phu. Bởi vì sanh tử đối với các Ngài thân này là khổ nhưng các Ngài không sợ cái khổ đó, còn mình khi thấy được cái khổ của cõi giới này mình quá sợ, hai tâm khác nhau. Mình sợ khổ mình mới thoát khổ, còn các vị Bồ Tát thấy được cái khổ không phải khổ của mình mà khổ của tất cả mọi người, các Ngài hiểu và thông cảm được nỗi khổ đó, cho nên các Ngài tìm đủ mọi cách kéo chúng ta ra.

Các vị Bồ Tát rất thấu hiểu nỗi khổ của trần gian và hết sức thông cảm. Cho nên khi chúng sanh khổ thì chư vị Bồ

Tát cũng khổ in tuồng như chúng sanh vậy. Gần như tất cả những nỗi niềm khổ đau của chúng ta, dù mình có tâm sự với người khác, dù mình ôm ấp trong lòng nhưng chư Phật và chư Đại Bồ Tát biết rất rõ và hết sức thông cảm. Các vị rõ như mình rõ, bao nhiêu nỗi niềm phiền lụy của mình dù nhỏ dù lớn các vị đều biết hết và thông cảm hết. Từ sự hiểu biết và thông cảm đó các vị mới phát khởi tâm Đại thừa, dần sâu vào sanh tử luân hồi để độ tận tất cả chúng sanh.

Khi thực sự giác ngộ các vị mới đủ lực đi vào sanh tử luân hồi, còn chúng ta mới tạo nhân thôi, là những Bồ Tát mới phát tâm, mặc dù chúng ta cũng có hiểu biết nhưng chưa phải là người thực sự giác ngộ nên dễ bị lui sụt, chưa đủ lực dụng, tụng chuyện dễ thôi tâm. Các vị đã giác ngộ ngoài việc thấu hiểu chân lý ra, cộng thêm lòng từ kết hợp lại rất mạnh, phát Đại thừa tâm độ tận chúng sanh.

Chúng ta chưa có lần giác ngộ còn thấy thân mình là thiệt, còn giá trị, làm Phật sự cũng thiệt, danh dự mình cũng thiệt, cái gì cũng thiệt, có chúng sanh để mình cứu độ thiệt. Còn các vị đã thực sự giác ngộ thì chúng sanh là huyễn, cứu độ cũng là huyễn, khiến vị Bồ Tát luôn vững tâm, không bị rối loạn.

Trước kia chúng ta chưa phát tâm phát nguyện thì chúng ta chỉ tu cho mình: “Con nguyện đem tất cả công đức niệm Phật của con hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc. Nguyện khi con bỏ báo thân này con được đích thân Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng tiếp rước con về Tây Phương Cực Lạc để con tiếp tục tu”. Bây giờ đã phát tâm phát nguyện rồi thì vừa tu cho chính mình vừa tu cho tất cả mọi người. Mỗi lần công phu tu hành chúng ta phải biết cách hồi hướng:

“Nguyện đem tất cả công đức niệm Phật của con hồi hướng cho tất cả chúng sanh muôn loài về Tây Phương Cực Lạc. Nguyện cho chúng sanh được tiêu trừ hết những nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng, những oan khiên trái chướng nhiều đời nhiều kiếp, những định nghiệp, bất định nghiệp, những vi tế hoặc, trần sa hoặc, hoặc nghiệp, những vi tế ngã chấp pháp chấp cho họ đủ phước đức và trí tuệ sanh về Tây phương Cực Lạc”.

Vì khi đã phát tâm thì việc cứu độ chúng sanh là việc chính, còn việc của mình là phụ. Nếu chúng ta không đủ lực này thì tâm không mở rộng, trí tuệ không khai mở và chân lý rất khó hiểu. Nguyện được như vậy mới là nguyện lực chân chánh của đạo Phật. Còn nguyện cho mình được sanh về Tây phương Cực Lạc để mình được yên vui một mình, là tiếp tục làm cho ngã chấp chúng ta lớn thêm. Nếu phá vỡ được bản ngã thì mình mới đem tất cả mọi cái cho mọi người mọi loài.

Hết cõi giới mười phương này thành Phật rồi, mình về thì Phật có bỏ mình không? Lúc đó không phải một mình mình độ nhiều người mà nhiều Phật độ mình. Ai cũng thành Phật thì mình có nắm giữ mình cũng thành Phật. Tại vì còn có một mình mình thôi, hằng hà sa số chư Phật đã thành Phật độ mình chẳng lẽ mình không thành Phật sao?

Khi phát khởi Đại thừa tâm, nếu biết cách khởi thì chính phát khởi này trở thành nền tảng trong công phu tu hành của chúng ta. Vì khi phát tâm phát nguyện liền được chư Phật mười phương chứng minh, chư Phật gia trì và bảo hộ cho chúng ta ngay giờ phút đó. Khi chưa phát Đại thừa tâm, chưa đi theo con đường Phật đạo thực thụ thì chúng ta vẫn còn ở vòng ngoài, chưa được sự bảo trì bảo hộ chính thức. Từ khi

phát tâm trở về sau chỉ còn việc đi trong sanh tử tiếp nối để cứu độ chúng sanh, tự động tắt mất những dục vọng.

Nếu chúng ta tiếp tục những hạnh nguyện đó trong cõi giới này, ngay trong cõi đời này, cũng như những đời kiếp tới thì từng đời đó bản ngã chúng ta tan biến từ từ cho tới lúc hoàn toàn không còn ngã chấp nữa, lúc đó chúng ta trở thành người thực sự giác ngộ, lúc đó mới đúng nghĩa là bậc Bồ Tát.

Trong lúc chúng ta chưa giác ngộ thì năng lực làm việc chúng ta mặc dù rất lớn nhưng cũng chẳng có bao nhiêu. Dù chúng ta ngồi đây chỉ cần tác ý tới một người bị đau và làm cho người đó hết đau, thậm chí dùng tâm lực xoa dịu bệnh đau cho một ngàn người, hoặc toàn nhân loại hết đau cũng chẳng là bao nhiêu. Nhưng ngay phút chúng ta ngộ đạo tan biến ngã chấp pháp chấp, phút giây đó chúng ta hòa nhập vào pháp giới tánh minh mông, sáng rực khắp mười phương pháp giới. Phút giây ngộ đạo của chư Phật trong kinh điển tả là chấn động mười phương pháp giới. Hào quang các vị che chói cả mười phương pháp giới, tất cả loài chúng sanh có duyên với chúng ta, tất cả chư vị Bồ Tát mười phương pháp giới đều nhận biết được hào quang này của mình. Lúc đó tâm chúng ta liền có kiến giải giác ngộ giải thoát hiện tiền, ùn ùn xảy ra nơi tâm mà trong kinh A Di Đà gọi là “*Phật A Di Đà và chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền*”. Tự Tánh A Di Đà và tất cả ý niệm giác ngộ giải thoát hiển lộ.

Phút giây đó trở thành bài Pháp vi diệu cho tất cả loài chúng sanh hữu duyên, những người tiếp cận được ánh sáng đó được giác ngộ, và hằng hà sa số chúng sanh trong phút giây đó nương ánh sáng giác ngộ của mình mà họ được giác ngộ.

Lúc đó không phải chúng ta nói bằng lời, không phải

suy nghĩ bằng vọng niệm trong đầu mà lúc đó năng lực giác ngộ giải thoát bắt đầu bùng vỡ. Tạo thành vùng hào quang thật lớn che chói mười phương, để cho các loài chúng sanh khác bắt đầu quy tụ về để nghe Pháp. Phút giây đó thôi chúng ta làm việc tử đời này chưa bằng.

Cho nên các vị đã giác ngộ công đức đó được Đức Phật ca tụng là vô lượng vô biên. Một người thực sự “Hoa khai kiến Phật”, theo nhà Thiền gọi là nhập trong Tự tánh, theo hệ thống kinh điển Đại thừa là nhập vào pháp giới tánh toàn chân. Phút giây đó chúng ta làm việc Phật sự hàng tỷ tỷ kiếp cũng không thể so sánh được. Từ đó trở về sau Phật hạnh Phật sự ngày càng rộng khắp mười phương, không chỉ một cõi của chúng ta.

Như vậy trong từng sát na tâm chúng ta phải tu tập tốt để có được trí tuệ tốt, được thiền định tốt và có phương tiện tốt. Làm sao đem hết năng lực vốn có trong đời này của mình tu tập, để có nhiều phương tiện hơn bây giờ, có nhiều năng lực hơn bây giờ cho nhiều chúng sanh được nhờ. Đó gọi là phát Đại thừa tâm.

***Nguyện thay chúng sanh chịu khổ vô lượng.*** Đây là điều hơi khó với chính mình, ví dụ mình phát tâm chịu đau thế cho người kia một chút, mình làm nổi không? Nhưng các vị Bồ Tát làm được điều này. Trong truyện các vị Lạt Ma Tây Tạng, có một vị lỗ mũi hơi xấu xí, nhìn thấy lỗ mũi Ngài người ta không muốn nhìn. Vị đó cũng xuất gia tu và tới ngày bắt rận, chấy, bọ chét, không làm gì, không thuyết Pháp độ sanh nên ít có người kính trọng.

Một hôm làng đó xảy ra bệnh dịch, gần như tất cả mọi người đều bị dịch chấy, bọ chét, dịch tả khó trị, riêng Ngài

không bị. Theo truyền thuyết Tây Tạng, trong đêm đó Ngài sử dụng một loại công phu gánh chịu tất cả nghiệp tập của người khác. Ngài quần quai đau gấp ngàn lần so với tất cả những người đang đau. Sau khi trì niệm mật chú đó tất cả những người xung quanh đều hết bệnh, Ngài gánh hết và hai hôm sau Ngài tịch.

Tất cả những vị Lạt Ma cao Tăng có thần thông biết được tâm nguyện của Ngài. Buổi lễ trà tỳ của Ngài hết sức long trọng. Từ đỉnh đầu Ngài và khắp thân Ngài xuất ra luồng hào quang ngũ sắc. Người ta nghe trong không gian những lời hỏi đáp. Trong câu chuyện đó diễn tả Đức Phật A Di Đà tiếp xúc với Ngài, Đức Phật hỏi: *“Từ hồi Ta gọi người xuống cõi này người cứu độ được bao nhiêu chúng sanh rồi?”* Lúc đó người ta nhìn thấy hình bóng Ngài xòe bàn tay là bao nhiêu con rận, con rệp, con chí, những loài chúng sanh mà từ trước tới giờ Ngài bắt chơi mà người ta thấy coi thường. Chính lúc đó Ngài cứu độ loài đó và hiện tại Ngài cứu độ nguyên vùng thoát khỏi bệnh dịch. Được Đức Phật gật đầu, trong thoáng chốc Ngài biến mất trong hư không cùng với chư Phật và chư Bồ Tát mười phương.

Trong nhân gian có những vị Bồ Tát ẩn tàng chúng ta khó có thể nhận ra. Qua lời dạy của chư Phật thì có hằng hà sa số vị Bồ Tát xuống trần, đã có hằng hà chư vị Bồ Tát đã hành hạnh chịu đau khổ cho chúng sanh. Chúng ta tin điều này có thật và tập làm theo hạnh nguyện đó, để có thể nảy nở củng cố tâm Bồ Đề, nếu không chỉ là phát nguyện rỗng. Một lần chúng ta thay thế được khổ đau của người khác, tâm lực chúng ta mạnh lên trong công phu, tạo duyên giác ngộ giải thoát cho mình trong mai kia.

Chúng ta phải thực hiện cho được hạnh nguyện này, để đời này kiếp này chúng ta có đủ trí huệ được học Phật. Phần trí tuệ đó giữ gìn chúng ta đi hoài trong mười phương pháp giới, giữ tầng tâm chúng ta ở đẳng cấp tâm linh bậc cao mới đủ sức phát tâm nguyện này. Nguyện này càng làm, càng như trường thành bảo bọc gìn giữ tâm cho mình. Còn mình phát tâm phát nguyện mà không làm thì trường thành mình bị mỏng từ từ, với thời gian có thể bị hủy hoại và lui sụt.

Có khi các vị từ cõi kia xuống, giai đoạn đầu chưa giác ngộ họ quên đi tâm nguyện của mình, chỉ sống cho riêng mình, nhưng khi họ giựt mình nhớ lại tâm nguyện cũ, hoặc có khi là một hoàn cảnh nào đó nhắc thức, có khi là bị bệnh họ mới nhớ ra, có khi trong giấc mộng được chư vị Bồ Tát lớn nhắc nhở, có khi gặp trực tiếp vị Bồ Tát sống ở trần gian nhắc nhở thì bản nguyện xưa liền sống lại.

Chúng ta phải chấp nhận hy sinh riêng tư để mình có thể làm lợi lạc cho chúng sanh muôn loài. Ngày nào chúng ta thấy cái riêng của mình là quan trọng, lợi lạc cho bản thân mình là quan trọng thì lúc đó chúng ta quên tâm niệm Bồ Tát. Khi nào chúng ta còn sống trong cõi đời này, tự ý thức được việc riêng tư mình không quan trọng hơn việc làm lợi chúng sanh, lúc đó chúng ta mới giữ vững được tâm Bồ Tát của mình. Khi nào quên tâm Đại thừa là làm cho chúng ta bị lui sụt, hạ đẳng cấp tâm linh xuống.

Chúng ta hãy phát nguyện dũng mãnh thay thế khổ cho tất cả chúng sanh muôn loài. Thật ra chúng ta chỉ thay thế khổ cho những người có duyên, còn tâm chúng ta trải rộng không thể một đời làm hết. Làm sao đó tâm này luôn được giữ vững không lui sụt, đời nào làm được bao nhiêu cứ làm nhưng

phải giữ trọn tâm này cho tới khi chúng ta tắt thở bỏ cõi đời này.

***Khiến cho tất cả các loài đều được đại an lạc.*** Chúng ta dụng tất cả tâm lực cho những người sống bên cạnh mình được an lạc là khó rồi. Nhưng ở đây vị Bồ Tát nguyện cho tất cả muôn loài đều được đại an lạc là điều rất khó.

Các vị chân tu có công phu tốt, đang sống bình yên hạnh phúc, chúng ta chỉ cần ngồi gần họ thôi cũng cảm thấy có gì yên, không còn phải hơn thua xáo trộn. Do năng lượng yên ổn của vị đó tỏa ra trong đạo tràng, chúng ta cảm nhận được khiến mình thích tới chùa, thích gần gũi bậc đạo đức. Tất cả các vị đạo đức đều có năng lực này, một phần do nguyện của các Ngài, một phần do công năng tu hành của các Ngài đã quá lớn, đủ để có thể dung chứa và xoa dịu bức bách đau khổ của người đến với mình.

Có khi chúng ta gặp được những vị này, những đau khổ trước đó của mình, mình nghĩ phải kể hết chuyện mình ra thì mới có thể giải quyết được, nhưng khi chạm tới người đó chỉ cần thấy người đó cười là khỏi cần phải tâm sự mọi phiền não đã tan hết.

Các vị phát nguyện làm cho tất cả các loài đều được đại an lạc, dứt trừ tất cả khổ đau, được giải thoát giác ngộ. Còn người chưa giải thoát giác ngộ thì an lạc chỉ thoáng qua tạm thời. Người hành hạnh Bồ Tát làm sao chính bản thân mình hoàn toàn giác ngộ, đem ánh sáng giác ngộ đó chia sẻ cứu giúp tất cả chúng sanh muôn loài, để tất cả chúng sanh muôn loài đều được giác ngộ như mình đã giác ngộ. Khi phát nguyện Bồ Tát thì bao nhiêu hạnh phúc không phải cho mình mà san sẻ cho tất cả chúng sanh muôn loài, còn khổ đau thì



mình nhận gánh chịu.

Chúng ta ngồi thiền tưởng tượng mình hít vào là hấp thụ những tinh ba của trời đất vào cơ thể, và thở ra thì nguyện thở ra những phiền trước ra khỏi cơ thể để chúng ta được mạnh khỏe. Nhưng vị Bồ Tát thì khác, hít vào thì tưởng tượng hít những phiền não nghiệp tập, những đau khổ của chúng sanh vào trong mình để mình hóa giải, sau khi hóa giải rồi thở ra là thở bằng hơi thở hạnh phúc để chan rải ban phát cho cõi giới này, cho tất cả chúng sanh được hấp thụ sự an lạc đó.

Học hạnh Bồ Tát là từng hơi thở nhỏ của chúng ta cũng vì sự hạnh phúc, an lạc và giác ngộ cho chúng sanh muôn loài mà chúng ta thở, mà chúng ta sống. Từng hạnh sống nhỏ của mình, nếu có phút giây nào chúng ta gìn giữ riêng tư lợi lạc cho mình là chúng ta thối thất Bồ đề tâm, tự tạo tâm mình chùn xuống. Từng sát na một chúng ta hướng đến tất cả chúng sanh, muốn làm cho tất cả chúng sanh được đại an lạc mới tròn bản nguyện của một vị Bồ Tát.

Bài kinh phát khởi tâm Đại thừa này Đức Phật dành cho Phật tử tại gia, giống như bài kinh Bồ Tát nhập thế. Đức Phật dạy Phật tử đi vào trong nhân gian sống bằng sống của một người giác ngộ hoàn toàn.

## VI. KẾT LUẬN

Tất cả các vị Đại nhân và chư Phật, chư Bồ Tát đều ý thức giác ngộ rất rõ ràng thế gian vô thường, cõi nước giòn bở, thân tứ đại là khổ không, năm ấm thì vô ngã, ngũ dục là

khổ đau. Các bậc Đại nhân sau khi thoát được dục, phá được ngũ âm ma, đạt được giác ngộ giải thoát cho riêng mình, các vị bắt đầu đi vào nhân gian truyền tất cả trí tuệ giác ngộ của chính mình cho tất cả chúng sanh, để tất cả chúng sanh đều được giác ngộ giải thoát, đều được an lạc như chính bản thân mình, khi đó mới tròn bản nguyện của bậc Đại nhân.

Kinh Bát Đại Nhân Giác hết sức căn bản cho Phật tử tại gia và cho cả xuất gia. Những giáo lý căn bản của cả hai hệ thống Nguyên Thủy và Đại thừa được trình bày thể hiện hết trong bản kinh này với hai tâm nguyện: Một người là tâm nguyện tu tập cho riêng mình, một tâm nguyện tu tập vì tất cả chúng sanh.

Học hạnh Bồ Tát rồi, Phật tử chúng ta nên phát Đại thừa tâm để chúng ta hiểu rõ sanh tử này là khổ đau, ngũ dục là nguy hiểm, chúng ta không tiếp nối, không tiếp tục vào con đường ngũ dục nữa để tự mình được an vui và phúc lạc. Sau khi thoát khỏi dục vọng, lúc đó chúng ta chỉ còn giữ lại một tâm là thương yêu tất cả chúng sanh, sẵn sàng hy sinh hạnh phúc riêng mình làm lợi lạc chúng sanh, sẵn sàng giúp tất cả chúng sanh đều được giác ngộ giải thoát, được đại an lạc thực sự như chư Phật chư Tổ đã được an lạc, lúc đó mới tròn bản nguyện của mình. Đó là ý chính của bản kinh Bát Đại Nhân Giác.

**HẾT**

## MỤC LỤC

V. GIẢNG GIẢI VĂN KINH (tiếp theo).....	1
5. Điều giác ngộ thứ năm: .....	1
6. Điều giác ngộ thứ sáu: .....	23
7. Điều giác ngộ thứ bảy: .....	39
8. Điều giác ngộ thứ tám: .....	64
VI. KẾT LUẬN .....	79

## BẢNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- Kinh Hoa Nghiêm (đang giảng)
- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Kim Cang
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Tiểu Bản A Di Đà
- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Thánh Đế
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Thập Thiện
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Kinh Duy Ma Cật
- Lục Độ Ba La Mật
- Thập Nguyên Phổ Hiền
- Bát Đại Nhân Giác
- Kinh Ba Cửa Giải Thoát
- Kinh Phước Đức
- Kinh Vô Ngã Tướng
- Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
- Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục
- Yếu Quyết Tứ Diệu Đế
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Tứ Nhiếp Pháp
- Mười Bốn Điều Minh Triết
- Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang
- Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn
- Phương Pháp Tọa Thiền
- Thiền Thư Giãn Và Quán Thân
- Vô Thường - Khô
- Tham Vấn Phật Pháp
- Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Đức Phật Là Bạc Y Vương
- Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức
- Hạnh Phúc Chân Thật
- Thương Yêu và Tôn Kính
- Thiền Tịnh Song Tu
- Chữ Tu Trong Đạo Phật
- Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh
- Tu Tập Và Trị Liệu
- Thân Tâm Không Khác
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát
- Lễ Phật Thành Đạo
- Ý Nghĩa Phật Đản Sanh
- Đạo Hiếu Người Con Phật v.v ...

## BẢNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- Phương Pháp Dưỡng Sinh (1-9)
- Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh
- Thai Giáo
- Để Hoàn Thiện Một Con Người
- Phật Pháp Và Dưỡng Sinh
- Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa
- Dưỡng Sinh Phòng Bệnh
- Dưỡng Sinh Hằng Ngày
- Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng
- Dưỡng Sinh Trong Đời Sống
- Cân Bằng Thân Tâm
- Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống
- Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh
- Nguyên Nhân Bệnh Tật
- Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018 ...

## KINH SÁCH ĐÃ IN

- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Kim Cang
- Bát Nhã Tâm Kinh
- Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa
- Vượt Qua Nghiệp Chướng và Tái Sanh
- Tiểu Bản A Di Đà
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Đạo Hiếu Người Con Phật
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát, ...

Điện thoại: 0251 86 00 258

Di động: 0911 258 258

Email: [thichtuehai@chualonghuong.org](mailto:thichtuehai@chualonghuong.org)

Website: [www.chualonghuong.org](http://www.chualonghuong.org), [www.quynguyen.org](http://www.quynguyen.org), [www.quynguyen.com](http://www.quynguyen.com)



SÁCH ẤN TÓNG KHÔNG BÁN